



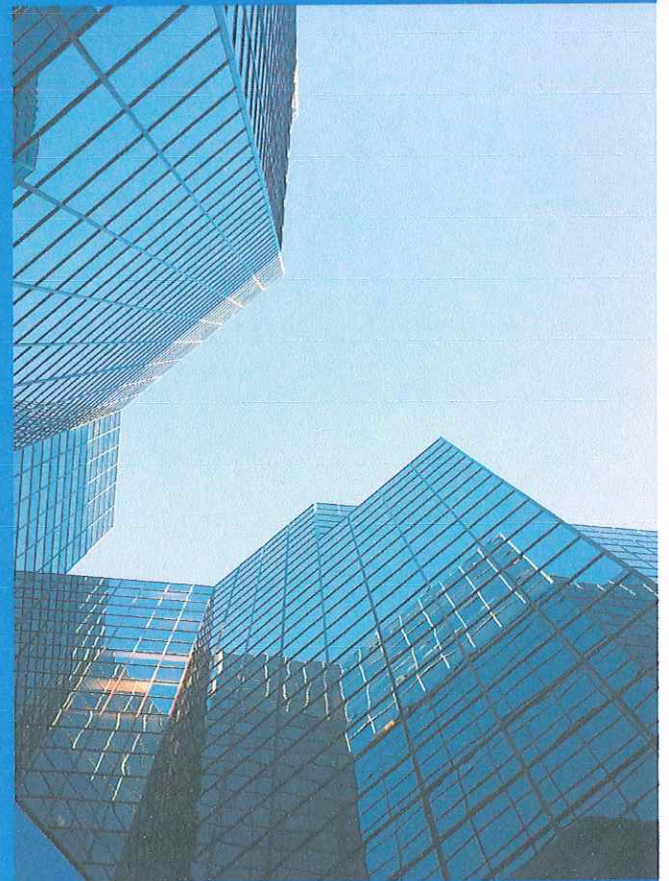
**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM**

**ĐỊA CHỈ : SỐ 12/3/33 NGÕ 2 PHỐ VĂN TRÌ, PHƯỜNG TÂY TỰU, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**EMAIL : THANHNAM.TFC@GMAIL.COM - ĐIỆN THOẠI : 0972.428.939**

# **HỒ SƠ NĂNG LỰC**

# **COMPANY PROFILE**



**NỀN MÓNG VỮNG CHẮC HƯỚNG TỚI THÀNH CÔNG**

## THƯ KỸ THUẬT

Kính gửi: Quý cơ quan

Công ty cổ phần thương mại xây dựng nền móng Thành Nam kính gửi quý cơ quan lời chào trân trọng nhất.

Công ty cổ phần thương mại xây dựng nền móng Thành Nam Giấy có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 30/09/2014 theo quyết định số 2883, thay đổi lần thứ 5 do sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29/07/2024.

Công ty chúng tôi là doanh nghiệp tư nhân hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng nền móng công trình với đội ngũ cán bộ chuyên sâu với nhiều năm kinh nghiệm, nhiệt huyết với nghề, và hệ thống trang thiết bị hiện đại và liên tục được bổ sung để kịp thời phục vụ cho các công trình lớn, nhỏ với trọng tâm là máy ép cọc Robot có tải trọng từ 100 tấn đến 860 tấn .

Được biết quý cơ quan có kế hoạch đầu tư dự án xây dựng công trình. Đơn vị chúng tôi xin tham gia dự án với tiêu chí :

- + An toàn – Tiến độ - Chất lượng
- + Tuân thủ nghiêm túc các quy định về quản lý xây dựng cơ bản các tiêu chuẩn, quy định hiện hành.
- + Đề xuất các giải pháp kỹ thuật hợp lý trên cơ sở áp dụng các công nghệ tiên tiến, làm lợi cho chủ đầu tư nhất có thể.
- + Khẳng định thương hiệu Nền Móng Thành Nam: *Nền móng Vững Chắc hướng tới Thành Công.*

Rất mong sự quan tâm giúp đỡ của quý cơ quan.

Xin trân trọng cảm ơn./.

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI  
XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM



GIÁM ĐỐC

*Trịnh Việt Dũng*

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0201574928

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 29 tháng 07 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG  
NỀN MÓNG THÀNH NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANH NAM TRADING FOUNDATION  
CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: THANH NAM TFC.,JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số nhà 12 hẻm 3 ngách 33 số 2 phố Văn Trì, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0972428939

Fax:

Email: Thanhnam.tfc@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Năm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 50.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

\* Họ và tên: TRỊNH VIỆT DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/05/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036088011688

Ngày cấp: 03/11/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật

CHỨNG THỰC BẢN SÁO ĐÚNG VÀO BẢNG CHÍNH

Địa chỉ thường trú: TDP Văn Trì 3, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành  
phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: TDP Văn Trì 3, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố  
Hà Nội, Việt Nam

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC



PHÓ CHỦ TỊCH  
Nguyễn Ngọc Phong



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
Đỗ Thanh Huyền

Số: 125 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2021

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM  
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần thương mại xây dựng nền móng Thành Nam và Biên bản đánh giá ngày 23 tháng 6 năm 2021.

**CHỨNG NHẬN:**

1. Công ty cổ phần thương mại xây dựng nền móng Thành Nam

Mã số thuế: 0201574928

Địa chỉ : Số nhà 12 hẻm 3 ngách 33 số 2 phố Vân Trì phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm vật liệu, thí nghiệm nền móng công trình.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Tổ dân phố Vân Trì phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bản Danh mục kèm theo giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 1780

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 12.36.01.....SCT/BS

Ngày: 30-07-2025

TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Công ty CP thương mại xây dựng nền móng Thành Nam;
- SXD thành phố Hà Nội;
- TT thông tin (Website);
- Lưu: VT, KHCN&MT

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Phong

## DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1780

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Số: 126 /GCN-BXD, ngày 25 tháng 6 năm 2021)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử
<b>THỬ CƠ LÝ CỦA XI MĂNG</b>		
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03, ASTM C 184, 188; AASHTO T181, 28
2	XĐ giới hạn bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016: 11; TCVN 36:82AASHTO T106
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017: 2015, ASTM C 359, AASHTO T129, 131
4	Xác định Hàm lượng SO <sub>3</sub> , MgO, SiO <sub>2</sub> HL cặn không tan (CKT), mất khi nung (MKN)	TCVN 141:2008;ASTM C114
<b>HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG</b>		
5	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93; ASTM C143-90A; AASHTO T119
6	Xác định độ cứng Vebe của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107 :1993
7	XĐ khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993 ; ASTM C138
8	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:1993
9	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
10	Xác định hàm lượng bột khí	TCVN 3111 : 1993 ;ASTM C185; AASHTO T121
11	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112 : 1993;ASTM C127, C128
12	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993
13	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:1993
14	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993
15	Xác định độ chống thấm của bê tông	TCVN 3116 : 1993; ASTM C 403-90
16	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993; ASTM C39; AASHTO T22
17	Xác định giới hạn cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:1993 ; ASTM C78, C293; AASHTO T97, 126
18	XĐ cường độ lăng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:1993
19	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338 : 2012; ASTM C403 – 99
20	Thử độ co	TCVN 3117:1993
21	XĐ lực liên kết giữa bê tông và cốt thép	22 TCN 60 : 84
<b>THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA</b>		
22	Thành phần cốt hạt; Xác định thành phần thạch học; Xác định: khối lượng riêng, KL thể tích và độ hút nước, khối lượng riêng, khối lượng thể tích của đá gốc và cốt liệu lớn; khối lượng thể tích và độ xốp, độ hồng;	TCVN 7572-2÷6:2006
23	Xác định: độ ẩm, hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ, tạp chất hữu cơ, cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc, độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn, độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles);	TCVN 7572-7÷12:2006
24	Xác định: hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn; khả năng phản ứng kiềm - silic; HL clorua	TCVN 7572-13÷16:2006
25	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu phong hóa	TCVN 7572-17:2006
26	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
27	Xác định hàm lượng Silic Oxit vô định hình	TCVN 7572-19:2006
28	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
29	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2491-1991; AASHTO T176
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CÁT, CẤP PHỐI ĐÁ DẼM, CẤP PHỐI THIÊN NHIÊN</b>		
30	Xác định khối lượng riêng tỷ trọng	TCVN 4195:2012
31	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
32	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
33	Xác định thành phần cốt hạt	TCVN 4198:2012
34	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012

35	XĐ tính nén lún trong điều kiện không hở hông	TCVN 4200:2012
36	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
37	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
38	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332-2006; TCVN 8821:2011; AASHTO T 193
39	Xác định hệ số thấm K	ASTN D2434-00
40	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-01; AASHTO T216
41	Đảm nén đất, đá đảm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333:2006
42	Xác định KLTT nhỏ nhất, lớn nhất và độ chặt tương đối của đất	TCVN 8721:2012
43	Xác định đặc trưng hệ số thấm của đất	TCVN 8720:2012
44	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
45	XĐ sức chống cắt của đất bằng PP cắt cánh	TCVN 8725:2012
46	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012
47	XĐ thành phần và hàm lượng muối hoàn tan	TCVN 8727:2012
48	Thí nghiệm cắt cánh mini	22TCN 355:2006
49	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU;CU;CD;CV)	ASTM D2850:1995; TCVN 8868:2011
50	Thử nghiệm cát và cấp phối đá gia cố xi măng: XĐ thành phần hạt, chỉ số chảy, dẻo, dung trọng và độ ẩm, CBR, cường độ nén, cường độ ép chế	22TCN 246:1998; TCVN 8858:2011
51	Xác định: Cường độ chịu cắt của đá, mô đun đàn hồi, cường độ ép chế	22TCN 57:1984; ASTM D3148:1996; ASTM D3967-1995
52	Thí nghiệm cọc xi măng đất	TCVN 9403:2012
53	Xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu hạt liê kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:11
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VỮA XÂY, VỮA CHO BÊ TÔNG NHẸ</b>		
54	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003
55	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2003
56	XĐ khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2003
57	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2003
58	Xác định cường độ chịu uốn và chịu nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2003
59	XĐ cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-12:2003
60	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2003
61	Vữa dán gạch, đá ốp lát xác định: độ mịn, cường độ bám dính, thời gian công tác, độ trượt	TCXDVN 336:2005
62	Keo dán gạch, đá ốp lát xác định: cường độ bám dính, thời gian nở, độ trượt, biến dạng ngang, độ bền hóa	TCVN 7899-2:2008
<b>KIỂM TRA THÉP, KIM LOẠI, MỎI HÀN</b>		
63	Thử kéo thép và vật liệu kim loại; Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 197:2014 TCVN 5403:2010
64	Thử uốn thép và vật liệu kim loại	TCVN 198:2008
65	Thử phá hủy mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010
66	Thử phá hủy mối hàn - Thử va đập	TCVN 5402:2010
67	Thử kéo bu lông, vít, đai ốc, tăng đơ, cóc nối khóa cáp	TCVN 1916:1995; JIS B1186:95; ASTM A370:07
68	Phân tích thành phần Hóa Học	ASTM A262
69	Nhôm hợp kim định hình: Xác định dung sai hình dạng kích thước, thử kéo, thử uốn, thử độ cứng, kiểm tra chiều dày màng nhôm	TCXDVN 330:2004
70	Thử nghiệm cửa nhựa lõi thép gia cường, cửa kim loại, cửa gỗ	TCVN 7451:2004; TCVN 7452:2004; TCVN 9366-2:2012
71	Thử ống thép đen, ống thép mạ kẽm: Kiểm tra hình dạng kích thước, thử kéo, thử uốn, thử áp lực, kiểm tra chiều dày lớp mạ kẽm	BS 1387:1985; TCVN 7972:2008

72	Thử lớp phủ mạ kẽm, phủ sơn: Xác định chiều dày, khối lượng	TCVN 5408:2007; JIS G3302; JIS H0401 TCVN 9406:2012
73	Thử cấp dự ứng lực trước $D \leq 22\text{mm}$	TCVN 6284; ASTM A416M-2006; ASTM A370
74	Thử nắp hố ga và song chắn rác: Kiểm tra hình dạng kích thước, thử tải trọng nén	TCVN 10333-3:2014; EN 124:1994
75	Kiểm tra không phá hủy mối hàn: PP siêu âm, Phương pháp thẩm thấu, Phương pháp bột từ	TCVN 6735:2000 TCVN 4617:2018; TCVN 4396:2018; AWS D1.1:2008
76	Thử nghiệm tôn lượn sóng, tôn mái, tấm lợp rặng sóng; XD: Dung sai hình dạng kích thước, thử kéo, thử uốn, chiều dày lớp phủ kẽm, sơn	TCVN 8052:2009 QCVN 41:2016/BGTVT; JIS G3302
77	Kiểm tra rọ đá, thảm đá và các sản phẩm lưới lọc rác: Kiểm tra hình dạng kích thước kích thước mắt lưới kích thước dây, thử kéo độ giãn dài, khối lượng riêng, độ cứng, module đàn hồi, lực căng, khối lượng lớp mạ	TCVN 10335:2014
78	Thử nghiệm cơ tính inox: Xác định dung sai hình dạng kích thước, thử kéo, thử uốn, thử độ cứng, thành phần hóa học	ASTM E 1086:2014
79	Thử nghiệm khung xương thạch cao: Xác định hình dạng kích thước, thử kéo, khối lượng lớp mạ, độ bền lớp mạ, lực kéo đứt của cụm liên kết, khả năng chịu tải trọng	ASTM C635 ; ASTM D1186
<b>NHỰA BITUM</b>		
80	Xác định độ kim lún, chỉ số kim lún PI, độ tổn thất khối lượng (theo phụ lục II thông tư 27 Bộ GTVT)	TCVN 7495:2005, ASTM D1754
81	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005
82	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:2005
83	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005
84	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:2005
85	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005
86	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:2005
87	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005
88	Xác định hàm lượng Paraphin	TCVN 7503:2005
89	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005
<b>BÊ TÔNG NHỰA VÀ CHẤT KẾT DÍNH</b>		
90	Xác định: độ ổn định, độ dẻo Marshall; HL nhựa bằng PP chiết sử dụng máy li tâm; thành phần hạt; tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén; PP xác định độ chảy nhựa; PP xác định độ góc cạnh của cát; PP xác định hệ số độ lu lèn; PP xác định độ rỗng dư; PP xác định độ rỗng cốt liệu; PP xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; PP xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-1+12:2011
91	Xác định hỗn hợp bê tông nhựa nóng thiết kế theo PP Marshall (thiết kế bê tông nhựa).	TCVN 8820:2011 AASHTO T324, EN 12
<b>NHỰ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG AXIT, NHỰA POLIMER</b>		
92	Xác định: độ nhớt Saybolt Furol; độ lắng và độ ổn định lưu trữ; lượng hạt quã cỡ (thử nghiệm sàng); điện tích hạt; độ khử nhũ; Thử nghiệm trộn với xi măng; độ dính bám và tính chịu nước; Thử nghiệm chung cát; Thử nghiệm bay hơi; Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhánh; Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm; khả năng trộn lẫn với nước;	TCVN 8817-1+15:2011

	khối lượng thể tích; độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	
93	Xác định cơ lý nhựa đường lỏng xác định: Độ kim lún, độ kéo dài, lượng hòa tan trong Trichloroethylene, độ nhớt động học, độ nhớt Saybolt Furol, nhiệt độ bắt lửa, hàm lượng nước, Thử nghiệm chung cát, độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818:2011
	Xác định cơ lý nhựa đường Polime xác định: Nhiệt độ hóa mềm, độ kim lún, nhiệt độ bắt lửa, lượng tổn thất, tỉ lệ độ kim lún, Lượng hòa tan trong Trichloroethylene, Khối lượng riêng ở 25°C, Độ dính bám với đá, Độ đàn hồi, độ ổn định, độ nhớt ở 135°C	22TCN319:2004
<b>THỦ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA</b>		
94	Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất; Khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; HL chất hòa tan trong nước; Hệ số háo nước; KL-TT và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường; Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984
<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>		
95	Đo dung trọng, độ ẩm đất bằng PP dao đai	TCVN 8730:2012;22TCN 02:71
96	Xác định độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006; TCVN 8729:2012;
97	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
98	Xác định mô đun đàn hồi của đất nền và các lớp kết cấu áo đường bằng PP sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
99	Xác định Mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
100	Xác định mô đun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011 ASTM D4729
101	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	TCVN 8866:2011
102	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy xác định cường độ nén; Độ đồng nhất của bê tông	TCVN 9335:2012 TCVN 9357:2012
103	PP điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
104	Đo điện trở nối đất; Điện trở chống sét	TCVN 9385:2012 TCVN 4756:1989
105	Thử tải, độ thấm nước, khuyết tật của ống cống bê tông cốt thép, gói cống BTCT	TCVN 9113:2012; TCVN 10799:2015
106	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng PP siêu âm	TCVN 9396:2012; ASTM D6760
107	Cọc PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012; ASTM D1143
108	Thí nghiệm CBR hiện trường	ASTM 4429:1993
109	Ống cống BTCT, Cống hộp BTCT: Kích thước và khuyết tật ngoại quan; Chiều dày lớp bê tông bảo vệ; Khả năng chịu tải; Khả năng chống thấm nước	TCVN 9116 : 2012 TCVN 9113:2012
110	Kích thước, thử tải giàn giáo thép	TCVN 6052:1995
111	Kết cấu bê tông cốt thép đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344 : 2012
112	Cột điện bê tông và cột điện bê tông cốt thép ly tâm: Kiểm tra hình dạng kích thước khuyết tật ngoại quan, chiều dày lớp bê tông bảo vệ, cường độ bê tông, mô men uốn và khả năng	TCVN 5847:2016

	chịu tải, lực kéo đầu cột	
113	Thử đóng cắt Aptomat, thiết bị đóng cắt và điều khiển hạ áp điện dân dụng	TCVN 6592-2:2009; IEC 60947-2:2009
114	Thử tấm sóng PVC: Hình dạng kích thước, độ bền, độ chuyên sáng	TCVN 5819:1994
115	Thử gói cầu cao su, khe co giãn: Thử độ cứng, độ bền kéo, độ giãn dài giãn dư, biến dạng nén, Moduyn, hệ số trượt, hệ số giả hóa, kéo trượt, kéo bóc	TCVN 10308:2014; ASTM D2240; 22TCN 217:1994
116	Thử kéo neo đá; Bê tông thử cường độ kéo nhỏ	ASTM D4435:1998 ; TCVN 9490 : 2012
117	Cọc thí nghiệm biến dạng lớn (PDA), biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 11321:2016; ASTM D4945:2005 TCVN 9397:2012
118	Đo lún công trình	TCVN 9360:2012
119	PP đo điện thế kiểm tra khả năng ăn mòn cốt thép trong bê tông	TCVN 9348:2012
120	Quy trình thử nghiệm cầu	22 CN 170-87
121	Quy trình kiểm định cầu trên đường ô tô	22 TCN 243-98
122	Tiêu chuẩn phương pháp thí nghiệm sức chịu tải cọc đơn dưới tác dụng của lực kéo dọc trục	ASTM D3689-2007
123	Tiêu chuẩn phương pháp thí nghiệm cọc dưới tác dụng của lực đẩy ngang	ASTM D3966-2007
124	Thử nghiệm cọc bê tông ly tâm ứng lực trước	TCVN 7888:2014
125	Đo tiếng ồn. Đo rung động	TCVN 5964:95; TCVN 7378:2004
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH, ĐÁ ỐP LÁT</b>		
126	Gạch đất sét nung: kích thước và khuyết tật; cường độ nén, cường độ uốn; độ hút nước; Khối lượng thể tích; độ rỗng; Vết chóc do vôi; Sự thoát muối.	TCVN6355-1÷8:2009
127	Bê tông nhẹ, gạch bê tông nhẹ, bê tông bọt khí không chung áp xác định: kích thước và khuyết tật ngoại quan; Cường độ nén; Độ co khô; khối lượng thể tích; Độ hút nước; Hệ số dẫn nhiệt.	TCVN 9029-2017
128	Bê tông nhẹ, gạch bê tông khí chung áp AAC-XĐ: Kích thước và khuyết tật ngoại quan; Cường độ nén; Khối lượng thể tích khô; Độ co khô	TCVN 9030-2017; TCVN 7959-2017 ASTM C1693
129	Gạch bê tông: Kích thước; Khuyết tật ngoại quan; Cường độ nén; Độ hút nước; Độ rỗng; Độ thấm nước.	TCVN 6477:2016
130	Gạch bê tông tự chèn: Kích thước, khuyết tật ngoại quan; Cường độ nén; Độ hút nước; Độ mài mòn.	TCVN 6476:1999
131	Gạch xi măng lát nền xác định: kích thước và khuyết tật ngoại quan; Độ mài mòn; Lực uốn gãy; độ hút nước; Độ cứng bề mặt.	TCVN 6065:1995
132	Gạch Terrazzo: kích thước, khuyết tật ngoại quan; Độ hút nước bề mặt; Độ mài mòn; Độ bền uốn.	TCVN 7744:2013 EN 13748
133	Gạch gốm ốp lát: Kích thước và chất lượng bề mặt; Độ hút nước; Độ bền uốn; Độ mài mòn; Hệ số dẫn nở nhiệt dài; độ bền sốc nhiệt; Hệ số dẫn nở nhiệt âm; Độ bền rạn men; Độ cứng bề mặt theo thang Mohs.	TCVN6415-2,3,4,6,7,8,9,10,11,18:2016 ISO 10545 -2,3,4,6,7,8,9,10,11,18
134	Đá ốp lát tự nhiên: Sai lệch kích thước và khuyết tật ngoại quan; Khối lượng thể tích; Độ hút nước; Độ bền uốn; Độ chịu mài mòn bề mặt.	TCVN 4732:2016
135	Đá ốp lát nhân tạo: Kích thước và chất lượng bề mặt; Độ hút nước; Độ bền uốn; Độ mài mòn sâu; Độ chống bám bẩn; Độ cứng bề mặt theo	TCVN 8057:2009

	thang Mohs.	
136	Gạch Granito xác định: Kích thước và khuyết tật ngoại quan; Độ mài mòn lớp mặt; Độ chịu lực xung kích; Độ cứng lớp bề mặt.	TCVN 6074:1995
137	Ngói lợp kiểm tra: Kích thước và khuyết tật ngoại quan; Độ hút nước; Tải trọng uốn; Khối lượng bão hòa nước; Thời gian xuyên nước	TCVN 1453:1986 TCVN 1452:2004
<b>THỬ NGHIỆM DÂY, CÁP ĐIỆN DẪN DỤNG</b>		
138	XĐ: Đường kính ruột dẫn, đường kính sợi đồng, nhôm lõi dây điện, chiều dày lớp cách điện	TCVN 6610-1:2014
139	Thử độ bền điện áp 3,5kV, điện trở cách điện, điện trở của ruột dẫn	TCVN 6610-2:2014
140	Thử nghiệm dây tín hiệu và vỏ bọc cách điện: Đo chiều dày và kích thước ngoài, tiết diện mặt cắt, thử kéo	TCVN 6614:2008; TCVN 8665:2011; IEC 61643
<b>THỬ VẢI ĐỊA KỸ THUẬT – BÁC THẨM VỎ BỌC BÁC THẨM, MÀNG CHỐNG THẨM VÀ GIẤY DẦU</b>		
141	Xác định cường độ chịu kéo, độ giãn dài	ASTM D4595; STMD5199; ASTM D2523
142	Xác định khối lượng đơn vị	ASTM D5261; ASTM D3776
143	Xác định chiều dày, độ dày	ASTM D5199; TCVN 3652:2000; ASTM D5199
144	Xác định hệ số thấm, thấm xuyên	ASTM D4491; BS-EN-ISO11058
145	Xác định lực kéo giặt, độ giãn dài	ASTM D4632; TCVN 8871-1:2011
146	Xác định lực chịu xé	ASTM D4533; TCVN 8871-2:2011
147	Xác định lực kháng xuyên CBR	ASTM D6241; TCVN 8871-3:2011
148	Xác định lực đâm thủng thanh	ASTM D4833; TCVN 8871-4:2011;
149	Xác định lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011
150	Xác định kích thước lỗ	ASTM D4751; TCVN 8871-6:2011
151	Xác định tỷ trọng	ASTM D1505
152	Xác định khả năng thoát nước	ASTM D4716
153	Xác định chọc thủng bằng PP rơi côn	BS-EN-918
<b>THỬ NGHIỆM SƠN, VECNI, SƠN TƯỜNG DẠNG NHŨ TƯƠNG</b>		
154	Xác định: Độ mịn; Thời gian chày; Hàm lượng chất rắn và chất tạo màng; Độ phủ; Độ khô và thời gian khô; Độ bám dính của màng;	TCVN 2091/2092/2093/2095/2096/2097:1993
155	Sơn và vecni XĐ: Phép thử dao động tắt dần của con lắc; Phép thử uốn; Thử tải trọng rơi, vết lõm; độ bóng phản quang của màng sơn không chứa kim loại ở góc 20°, 60° và 85°; màu sắc;	TCVN 2098/2099:2007; TCVN 2100-2:2007; TCVN 2101/2102:2008;
156	Sơn tín hiệu GT-vật liệu kẻ đường: Màu sắc, thời gian khô, độ phát sáng, độ bền nhiệt, nhiệt độ hóa mềm, độ mài mòn, độ kháng cháy, độ bền va đập, khối lượng riêng, độ bám dính, chỉ số hóa vàng, Dioxit titan, Canxi cacbonat và chất độn trợ, chất tạo màng, hạt thủy tinh	TCVN 8791:2011
157	Sơn tường dạng nhũ tương xác định: Trạng thái trong thùng chứa; Độ bền nước; Độ bền kiềm; Độ bền chu kỳ rửa trôi; Chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8653-1-:-5:2012
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GỖ, VÁN VÀ GỖ NHÂN TẠO</b>		
158	Xác định: Độ ẩm; Khối lượng thể tích; Giới hạn bền khi nén; Giới hạn bền khi kéo; Mô đun đàn hồi; Giới hạn bền khi uốn; Ứng suất kéo; Cắt dọc; Ván gỗ nhân tạo, ván trang trí	TCVN 8048-1-:-9:2014; TCVN 11205:2015;
159	Thử nghiệm gỗ công nghiệp ván sợi, ván MDF ván trang trí: Xác định kích thước, độ vuông góc và độ thẳng cạnh, độ ẩm, khối lượng thể tích, độ trương nở, mô đun đàn hồi, độ bền kéo, độ bền ẩm, lực bám giữ đinh vít	TCVN 7753:2007 TCVN 11353:2016
160	Thử nghiệm gỗ công nghiệp ván gỗ dán: Xác định hình dạng kích thước và khuyết tật, độ kéo	TCVN 7755:2007 TCVN 11205:2015

	trượt và chất lượng dán dính	
<b>THỦ CÔNG NHỰA VÀ PHỤ KIỆN</b>		
161	Xác định: Chiều dày; Kích thước; Sự thay đổi kích thước theo chiều dọc, độ ô van; Độ bền áp suất; Độ bền kéo; Độ bền hóa; Áp lực chịu nén; Độ bền va đập; Độ chịu điện áp; Độ bền nhiệt	TCVN 6141:2003; TCVN 6145:1996; TCVN 6148:2007; TCVN 6149:2007; TCVN 7434:2004; ISO 4433:1997; TCVN 9070:2012; TCVN 6144:2003; ASTM1525:2009; TCVN8699:2011
<b>THỦ TẮM THẠCH CAO, TẮM AMIĂNG VÀ BỘT AMIĂNG, BỘT BÀ</b>		
162	Xác định: Kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh; độ cứng của cạnh, gờ và lõi; cường độ chịu uốn; độ kháng nhỏ dính; độ biến dạng ẩm; độ hút nước; độ hấp thụ nước bề mặt; độ thẩm thấu hơi nước; Hợp chất lưu huỳnh	TCVN 8257-1-:-:8 : 2009 ASTM C471M-16
163	Tấm amiăng, bột amiăng: Kiểm tra hình dạng kích thước, khuyết tật ngoại quan, thời gian xuyên nước, tải trọng uốn, khối lượng thể tích, độ ẩm, độ bền axit, TP hạt của bột amiăng	TCVN 4435:2000 TCVN 9188:2012
164	Bột bả gốc xi măng xác định: Độ mịn; Thời gian đông kết; Độ giữ nước; Độ cứng bề mặt; Cường độ bám dính	TCVN 7239:2014
<b>PHỤ GIA, HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG, SIKA, CHỐNG THẨM</b>		
165	Hàm lượng chất khô; Khối lượng riêng; Hàm lượng ion clo; Độ pH; Hàm lượng tro; Hàm lượng bột khí; Kiểm tra tính năng cơ lý của hỗn hợp bê tông, vữa có phụ gia	TCVN 8826:2011; TCVN 8825:2011 TCVN 8827:2011 TCVN 8878:2011
<b>MÀNG CHỐNG THẨM, BĂNG CẢN NƯỚC, THANH TRƯỞNG NỖ</b>		
166	Xác định:Cường độ kéo,Độ giãn dài,Độ cứng Shore;Độ kháng kiềm;Màu sắc;Độ dày;Kháng xé Kháng xuyên; Tỷ trọng; Hàm lượng Carbon, độ giãn nở	ASTM D412:1997; TCVN 9407: 2014;
<b>THỦ NGHIỆM CƠ LÝ DUNG DỊCH BENTONITE</b>		
167	Xác định: khối lượng riêng; độ nhớt; hàm lượng cát; tỷ lệ chất keo; lượng mất nước; độ dày áo sét; Xác định lực cắt tĩnh; Xác định tính ổn định; Xác định độ pH	TCVN 11893:2017
<b>PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC</b>		
168	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4506:1998
169	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4506:1998
170	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
171	Xác định hàm lượng Ion clorua (Cl <sup>-</sup> )	TCVN 6194:1996
172	Xác định hàm lượng Ion sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	TCVN 6200:1996
173	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:1988
174	Xác định hàm lượng váng dầu mỡ	TCVN 2671:1987
175	Xác định màu sắc	TCVN 4506:1987
<b>THỦ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG</b>		
176	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219:2002
177	Kính dán và kính dán an toàn nhiều lớp -XD: kích thước và hoàn thiện cạnh sản phẩm; ; Độ bền va đập bi rơi, con lắc; Độ bền nhiệt; Ứng suất bề mặt	TCVN 7364-1/2/3/4/5: 2004
178	Ứng suất bề mặt kính	TCVN8261:2009
179	Xác định độ bền nhiệt	TCVN 7364-4:04
180	Thử độ bền và đập con lắc	TCVN 7455:2013
181	Xác định độ bền va đập bi rơi	TCVN 7368:2013

**Ghi chú (\*):** - Các tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.



CÔNG TY CPTM XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM  
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU, THÍ NGHIỆM NỀN MÓNG CÔNG TRÌNH LAXD 1780  
Địa chỉ : Số 12/3/33 ngõ 2 phố Văn Trì, Phường Tây Tựu, Thành Phố Hà Nội.  
Gmail : [Thanhnam.tfc@gmail.com](mailto:Thanhnam.tfc@gmail.com) - Điện thoại : 0972.428.939

## GIỚI THIỆU

### NĂNG LỰC KỸ THUẬT VÀ CHUYÊN MÔN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM

#### I. LỜI GIỚI THIỆU

Công ty cổ phần thương mại xây dựng nền móng Thành Nam được sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng ngày 30/09/2014 theo quyết định số 2883, thay đổi lần thứ 5 do sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29/07/2024. Công ty chúng tôi chuyên hoạt động các lĩnh vực xây dựng, nền móng với đội ngũ cán bộ chuyên ngành với nhiều năm kinh nghiệm nhiệt huyết với nghề. Chúng tôi cam kết thực hiện các dự án với tiêu chí : An toàn – Tiến độ - Chất lượng – giá cả cạnh tranh.

#### 1. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TY

- ✓ Tên công ty : Công ty cổ phần thương mại xây dựng Nền Móng Thành Nam
- ✓ Tên giao dịch: Thanh Nam Trading Foundation Contruction Joint Stock Company.
- ✓ Tên viết tắt: Thành Nam TFC.,JSC.
- ✓ Địa chỉ : Số 12/3/33 ngõ 2 phố Văn Trì, phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.
- ✓ Mã số thuế: 0201574928.
- ✓ Số tài khoản : 19037066281010 tại ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam – CN Nguyễn Cơ Thạch.

#### 2. CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- ✓ Hoạt động thi công ép cọc bê tông :
  - Thi công nền móng công trình các loại



CÔNG TY CPTM XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU, THÍ NGHIỆM NỀN MÓNG CÔNG TRÌNH LAXD 1780

Địa chỉ : Số 12/3/33 ngõ 2 phố Văn Trì, Phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

Gmail : [Thanhnam.tfc@gmail.com](mailto:Thanhnam.tfc@gmail.com)

Điện thoại : 0972.428.939

- Sản xuất và thi công ép cọc bê tông cốt thép : 200x200; 250x250 mm, 300x300 mm, 400x400 mm; .....
- Sản xuất và thi công ép cọc bê tông li tâm dự ứng lực : D300 mm, D400mm, D500 mm, D600 mm, .....
- Cho thuê máy Robot thi công ép cọc từ 100 tấn đến 680 tấn
- ✓ **Hoạt động kiểm tra tư vấn nền móng Công trình :**
  - Thí nghiệm sức chịu tải cọc Bê tông cốt thép, bê tông dự ứng lực, khoan nhồi... bằng phương pháp ép tĩnh dọc trục, Nhổ dọc trục, đẩy ngang, siêu âm, thí nghiệm biến dạng lớn ( PDA ) thí nghiệm biến dạng nhỏ ( PIT ).
  - Kiểm tra nền đất bằng phương pháp xác định Mondun biến dạng bằng tấm nén phẳng.
  - Khoan khảo sát địa chất công trình
- ✓ **Hoạt động xây dựng**
  - Cung cấp, ép các loại cọc bê tông cốt thép, bê tông dự ứng lực...
  - Xây dựng các công trình nhà văn hóa , trường học, thủy lợi ....
- ✓ **Hoạt động Thí nghiệm Vật liệu xây dựng :**
  - Thí nghiệm vật liệu xây dựng dân dụng tại phòng thí nghiệm và ngoài hiện trường.
  - Thí nghiệm vật liệu chuyên ngành cầu đường tại phòng thí nghiệm và ngoài hiện trường.
  - Thí nghiệm các loại vật liệu khác được bộ xây dựng cấp phép thử nghiệm trong quyết định đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Laxd 1780 cấp ngày 25/06/2021
  -



CÔNG TY CPTM XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU, THÍ NGHIỆM NỀN MÓNG CÔNG TRÌNH LAXD 1780

Địa chỉ : Số 12/3/33 ngõ 2 phố Văn Trì, Phương Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

Gmail : Thanhnam.tfc@gmail.com

Điện thoại : 0972.428.939

### 3. BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ SƠ ĐỒ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

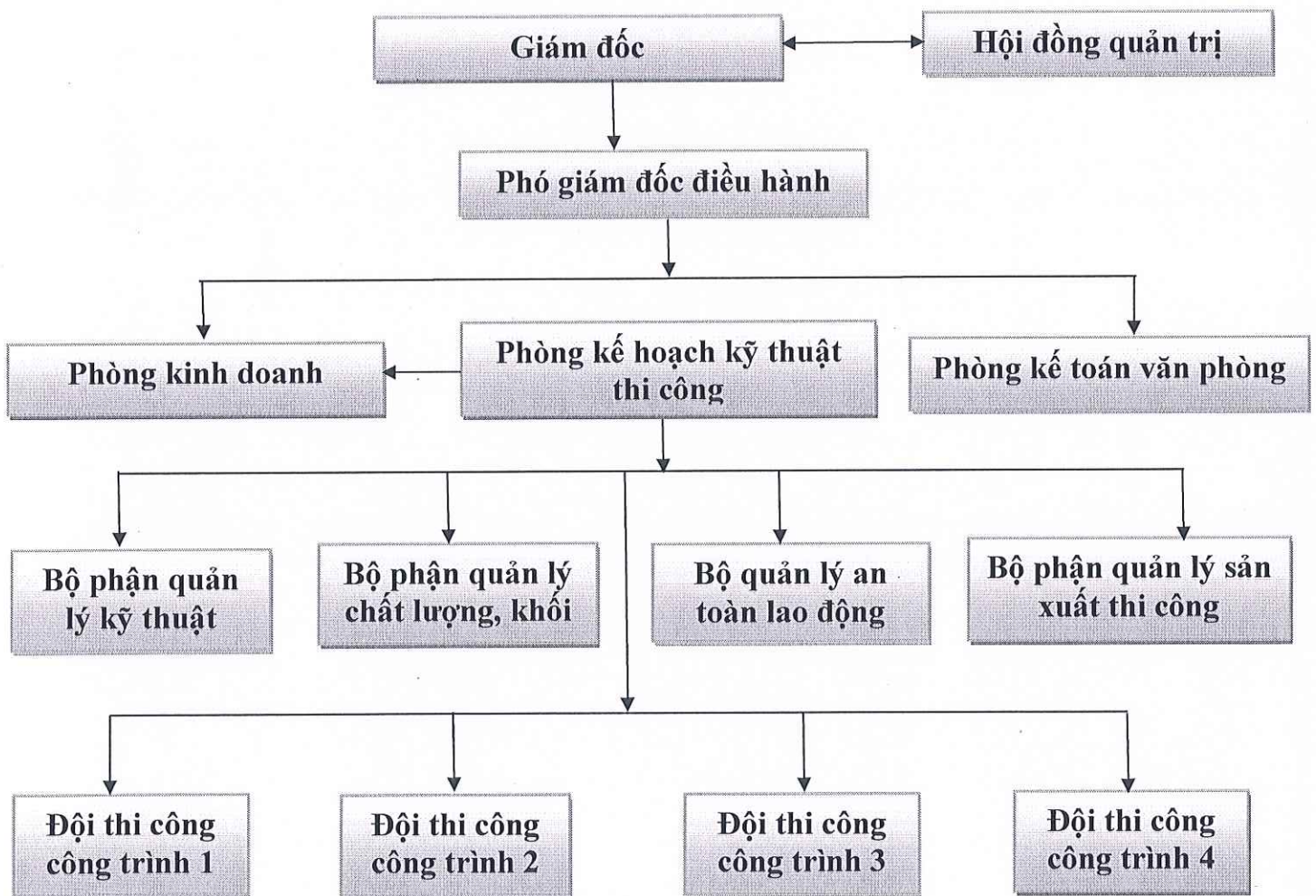
✓ Ban giám đốc :

- Giám đốc : KS. Trịnh Việt Dũng.

✓ Các phòng ban quản lý :

- Phó giám đốc điều hành
  - Phòng kinh doanh :
  - Phòng kế toán văn phòng
  - Phòng kỹ thuật thi công

#### SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC





CÔNG TY CPTM XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU, THÍ NGHIỆM NỀN MÓNG CÔNG TRÌNH LAXD 1780

Địa chỉ : Số 12/3/33 ngõ 2 phố Văn Trì, Phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

Gmail : Thanhnam.tfc@gmail.com

Điện thoại : 0972.428.939

## Thông tin nhân lực chính thuộc công ty

STT	Họ và Tên	Trình độ	Vị trí
01	Trịnh Viết Dũng	Kỹ sư xây dựng	Giám đốc
02	Đặng Thị Thu Hằng	Cử nhân	Kế toán trưởng
03	Trần Thị Hoài Linh	Cử nhân	Kế toán
04	Nguyễn Cao Cường	Kỹ sư địa chất	Trưởng phòng kỹ thuật
05	Trần Văn Biên	Kỹ sư địa chất	Cán bộ kỹ thuật
06	Phan Thị Phương	Kỹ sư xây dựng	Cán bộ kỹ thuật
07	Đặng Ngọc Cương	Kỹ sư xây dựng	Cán bộ kỹ thuật
08	Đặng Công Thành	Kỹ sư cấp thoát nước	Cán bộ kỹ thuật
09	Nguyễn Văn Cường	Kỹ sư xây dựng	Cán bộ kỹ thuật

## II. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC DỰ ÁN CÔNG TY ĐÃ THAM GIA

### 1. Một số công trình tiêu biểu :

Stt	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm
<b>Hoạt động thi công ép cọc bê tông</b>			
01	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Viettel	Công ty quản lý tài sản Viettel-Chi nhánh tập đoàn công nghiệp – Viễn thông Quân Đội	Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội
02	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội tại phường Đồng Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam – Tòa A	Tổng công ty đầu tư phát triển nhà đô thị - Công ty TNHH	Phường Đồng Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
03	Khu nhà ở xã hội tại Tổng Kho 3 Lạc Viên ( Số 142 Lê Lai), phường Máy Chai và phường Cầu Tre, Q.Ngô Quyền, Thành Phố Hải Phòng	Công ty Cổ Phần Thái-Holding	Số 142 Lê Lai, phường Máy Chai và phường Cầu Tre, Q.Ngô Quyền, Thành Phố Hải Phòng
04	Xây dựng Trường THCS Khương Thượng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Quận Đống Đa	Số 10 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Tp.Hà Nội



CÔNG TY CPTM XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU, THÍ NGHIỆM NỀN MÓNG CÔNG TRÌNH LAXD 1780

Địa chỉ : Số 12/3/33 ngõ 2 phố Văn Trì, Phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

Gmail : [Thanhnam.tfc@gmail.com](mailto:Thanhnam.tfc@gmail.com)

Điện thoại : 0972.428.939

05	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội tại phường Đồng Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam – Tòa B	Tổng công ty đầu tư phát triển nhà đô thị	Phường Đồng Văn, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam
06	Đầu tư xây dựng trường tiểu học Vân Côn – Hoài Đức - Khoan khảo sát địa chất, Thí nghiệm nén tĩnh cọc.	Ban quản lý dự án huyện Hoài Đức	Xã Vân Côn – huyện Hoài Đức – TP. Hà Nội
07	Đầu tư xây dựng công trình Ngâm, cầu dân sinh trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi Huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang	Ban quản lý dự án huyện Lục Nam	huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang
08	Nhà máy Regina Miracle Internationnal ( Viet Nam ) Co.,Ltd (Period Of 4) – Cung cấp và ép cọc.	Công ty Regina Miracle Internationnal ( Viet Nam )	Khu Cn Visip Hải Phòng – TP, Hải Phòng
09	Đầu tư xây dựng nhà để ở gia đình ông Nguyễn Thanh Hải	ông Nguyễn Thanh Hải	KĐT Phương Canh – Hoài Đức – Hà Nội
11	Khu đô thị Kim Trung Di Trạch – Lô BT16	Công ty cổ phần SamCo	KĐT Kim Trung Di Trạch Hoài Đức Hà Nội
12	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp các thôn : Quang Trung, Đề Trụ 7 xã Dương Quang huyện Gia Lâm	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Gia Lâm	thôn : Quang Trung, Đề Trụ 7 xã Dương Quang huyện Gia Lâm TP Hà Nội.
13	Thi công phần ngầm Toà CT1 – KĐT Kim chung – Di Trạch	Tổng công ty cổ phần thương mại xây dựng	KĐT Kim Trung Di Trạch Hoài Đức Hà Nội
114	Kiểm tra Chất lượng cọc Nhà máy Thanh Sơn Hà Nam	Công ty TNHH Thanh Sơn Hà Nam	KCN Kiện Kê – Hà Nam
15	Đầu tư xây dựng, cải tạo nhà đa năng, nhà điều hành, nhà xưởng và hạ tầng kỹ thuật	Nhà máy Z199	tổ 2 phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

*Trên đây là các dự án tiêu biểu mà công ty đã tham gia*



CÔNG TY CPTM XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU, THÍ NGHIỆM NỀN MÓNG CÔNG TRÌNH LAXD 1780

Địa chỉ : Số 12/3/33 ngõ 2 phố Văn Trì, Phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

Gmail : [Thanhnam.tfc@gmail.com](mailto:Thanhnam.tfc@gmail.com)

Điện thoại : 0972.428.939

## 2. Thông tin thiết bị hoạt động lĩnh vực nền móng, địa chất công trình.

Thiết bị (Loại, kiểu, nhãn hiệu)	Công suất	Số lượng	Đánh giá chất lượng còn lại
Máy robot ép cọc ( sản xuất tại trung quốc )	320, 420, 680 tấn	15	92%
Kích thủy lực KN1000 ( Sản xuất tại Mỹ )	1000 Tấn	02	97 %
Cầu Kato ( Sản xuất tại Nhật )	25 tấn	01	85%
Máy khoan địa chất XY-1 , XY1A-4		05	90%
Kích thủy lực KN800, 500, 300, 200, 100 ( Sản xuất tại TQ, Việt Nam )	800 tấn	20	95 %
Máy phát điện ( Sản xuất tại Nhật Bản )	5 ÷ 15 kw	05	95 %
Máy toàn đạc điện tử độ chính xác 5" NiKon DTM-NiKon DTM-350 ( Sản xuất tại Nhật Bản )		05	95 %
Máy thủy chuẩn AL 32 ( Sản xuất tại Nhật Bản )		05	95 %
Đôi trọng đúc sẵn ( Sản xuất tại Việt Nam )		2000 tấn	95 %
Dầm chính I ( Sản xuất tại Việt Nam )		20	99 %
Dầm phụ I ( Sản xuất tại Việt Nam )		10	99 %
Tôn gô kê ( Sản xuất tại Việt Nam )		10	98%
Đồng hồ áp suất ( Sản xuất tại TQ )	60 MPA	15	99 %
Đồng hồ đo lún ( Sản xuất tại TQ )	50 mm	30	99 %
Máy PDA ( Sản xuất tại TQ ) PDA		02	99 %
Máy Pit		04	98 %



CÔNG TY CPTM XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU, THÍ NGHIỆM NỀN MÓNG CÔNG TRÌNH LAXD 1780

Địa chỉ : Số 12/3/33 ngõ 2 phố Văn Trì, Phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

Gmail : [Thanhnam.tfc@gmail.com](mailto:Thanhnam.tfc@gmail.com)

Điện thoại : 0972.428.939

### 3. Thông tin thiết bị thí nghiệm vật liệu và kiểm định công trình :

Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Chức Năng sử dụng
<b>I. Thiết bị kiểm tra kết cấu công trình</b>			
Máy siêu âm chiều dày lớp bê tông, bảo vệ đường kính cốt thép	Chiếc	01	Kiểm tra đánh giá chất lượng kết cấu BTCT
Súng bật nảy, máy siêu âm bê tông	Chiếc	01	Kiểm tra chất lượng bê tông
Máy siêu âm khuyết tật máy hàn	Chiếc	01	Kiểm tra chất lượng mối hàn
<b>II. Thiết bị kiểm thí nghiệm vật liệu xây dựng</b>			
Cân phân tích 0.001 g	Chiếc	01	Cân mẫu có trọng lượng <200g
Máy thử thấm bê tông	Chiếc	05	Thử thấm bê tông
Máy thử kéo bền kéo nén WEW-1000B	Chiếc	02	Thí nghiệm kéo nén
Máy nén	Chiếc	03	Xác định cường độ bê tông
Máy sàng, bộ sàng	Chiếc	01	Kiểm tra cốt liệu
Máy nén vữa TYA-300	Chiếc		Kiểm tra cường độ
Máy CBR	Chiếc	01	Kiểm tra máy nén CBR
Bộ dụng cụ thí nghiệm Bentonite	Bộ	02	Thí nghiệm Bentonite
Máy nén CBR	Chiếc		Kiểm tra nén mẫu CBR
Thùng trung hấp mẫu bê tông xi măng	Chiếc	01	Bảo dưỡng bê tông mẫu
Máy khoan rút lõi bê tông	Chiếc	02	Khoan rút lõi bê tông
Thiết bị chế tạo bê tông	Chiếc	01	Chế tạo thử mẫu

- Trên đây là những thiết bị tiêu biểu cho công tác phục vụ cho công tác xây dựng nền móng của công ty. Chúng tôi còn những thiết bị chưa liệt kê và liên kết, liên danh hợp tác các dự án lớn khi cần thiết huy động.



CÔNG TY CPTM XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM

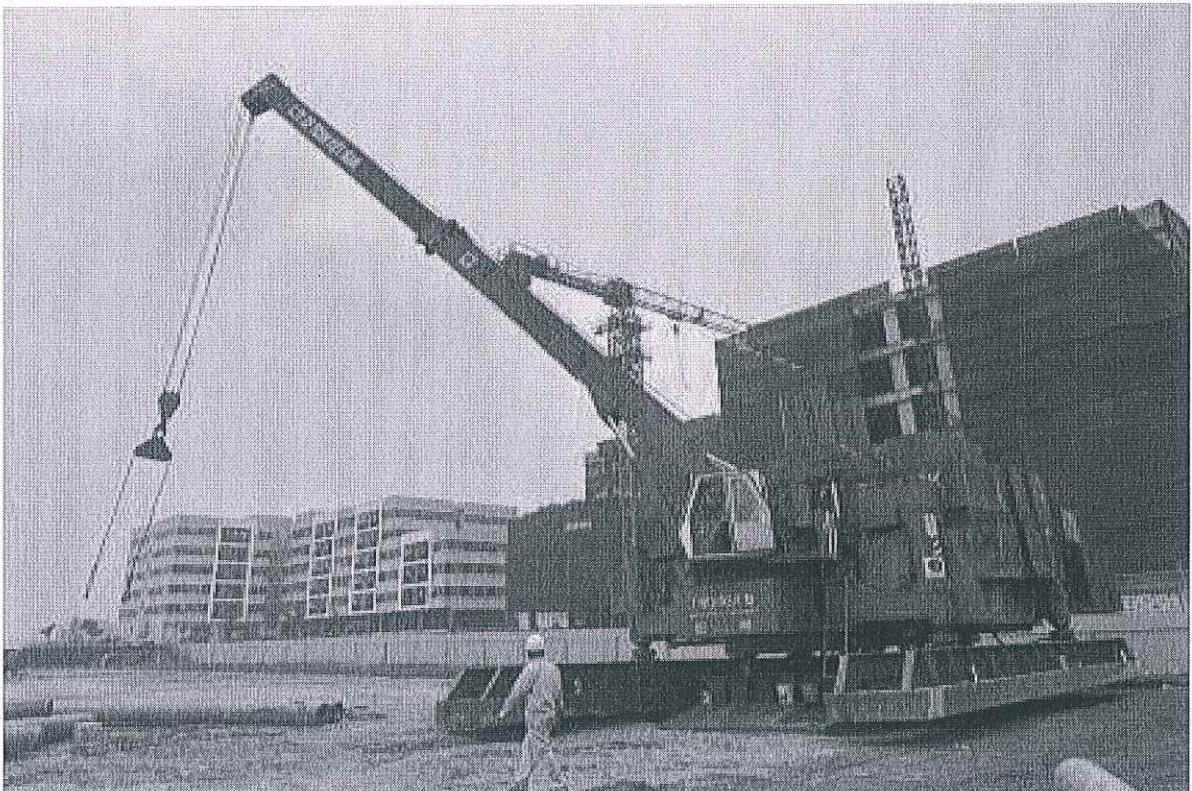
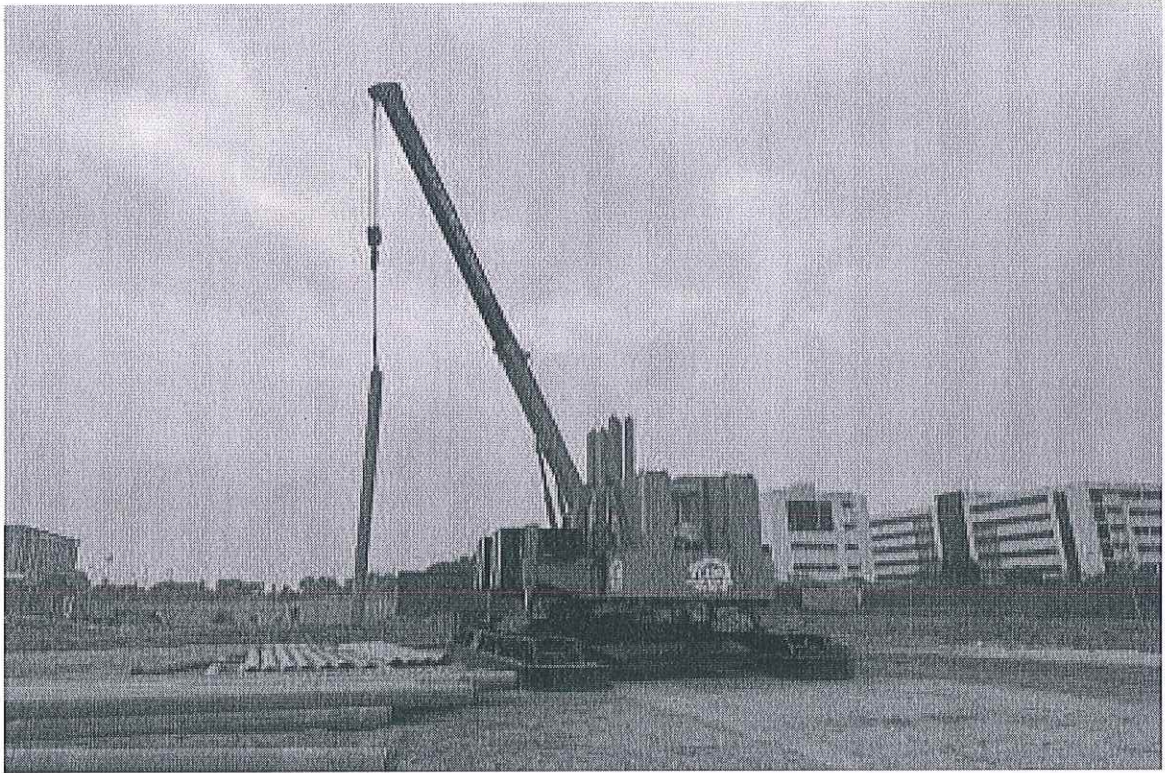
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU, THÍ NGHIỆM NỀN MÓNG CÔNG TRÌNH LAXD 1780

Địa chỉ : Số 12/3/33 ngõ 2 phố Văn Trì, Phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

Gmail : [Thanhnam.tfc@gmail.com](mailto:Thanhnam.tfc@gmail.com)

Điện thoại : 0972.428.939

#### 4. Một số hình ảnh hoạt động của công ty :





CÔNG TY CPTM XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM

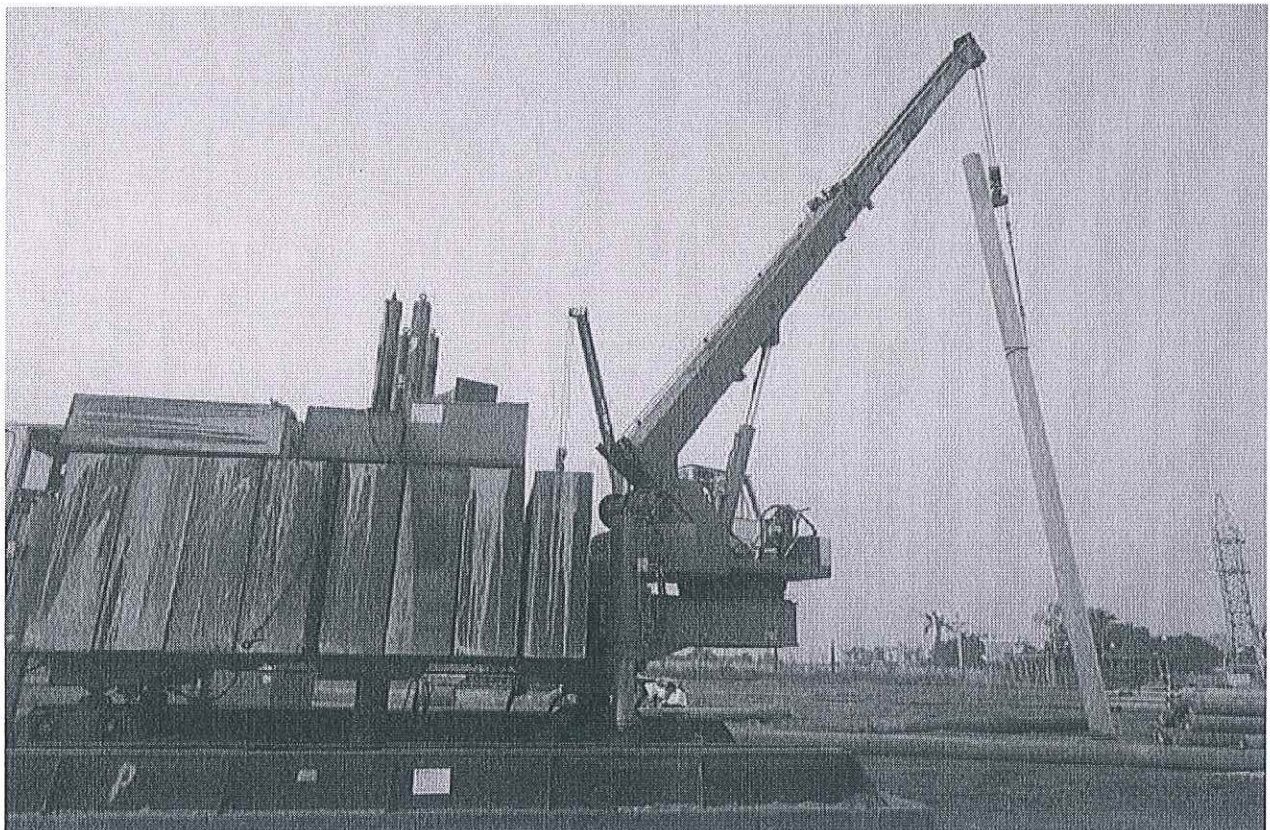
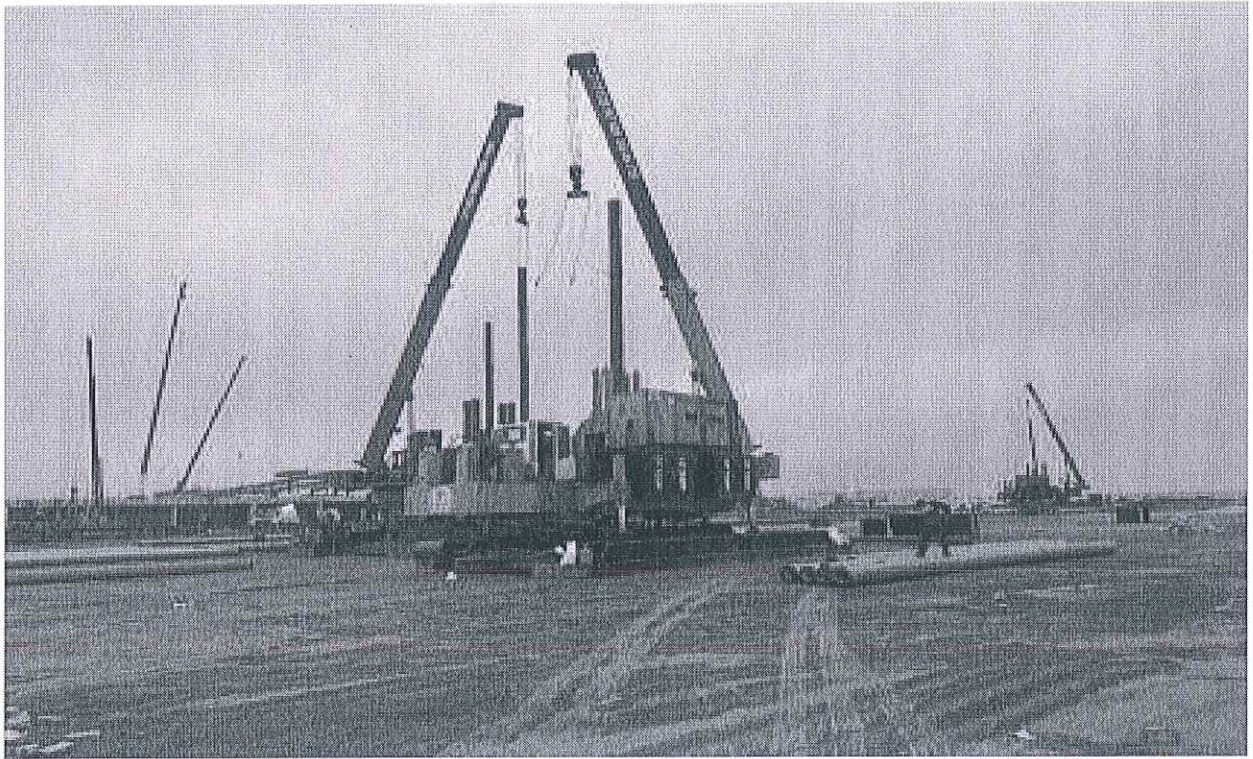
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU, THÍ NGHIỆM NỀN MÓNG CÔNG TRÌNH LAXD 1780

Địa chỉ : Số 12/3/33 ngõ 2 phố Văn Trì, Phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

Gmail : [Thanhnam.tfc@gmail.com](mailto:Thanhnam.tfc@gmail.com)

Điện thoại : 0972.428.939

---





CÔNG TY CPTM XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU, THÍ NGHIỆM NỀN MÓNG CÔNG TRÌNH LAXD 1780

Địa chỉ : Số 12/3/33 ngõ 2 phố Văn Trì, Phương Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

Gmail : [Thanhnam.tfc@gmail.com](mailto:Thanhnam.tfc@gmail.com)

Điện thoại : 0972.428.939

---

# MỘT SỐ HỢP ĐỒNG

## TIÊU BIỂU CÔNG TY THỰC HIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

Số: *148*/2023/HĐKT/THAI-THANHNAM

GÓI THẦU : THÍ NGHIỆM NÉN TĨNH CỌC BÊ TÔNG LI TÂM  
DỰ ÁN : KHU NHÀ Ở XÃ HỘI TẠI TỔNG KHO 3 LẠC  
VIÊN (SỐ 142 LÊ LAI), PHƯỜNG MÁY CHAI VÀ  
PHƯỜNG CẦU TRE, QUẬN NGÔ QUYỀN,  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN THÁI-HOLDING

VÀ

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2023.*

## PHẦN A - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng và Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ nhu cầu, năng lực của mỗi bên.

## PHẦN B - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày *M* tháng *X* năm 2023 tại Công ty cổ phần Thái-Holding, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

### I. Bên giao thầu (Bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN THÁI - HOLDING

Đại diện là : Ông Nguyễn Thế Tâm Chức vụ: Giám đốc  
Trụ sở : Lô B5 (MG02-15), số 1 Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.  
Điện thoại : 0926035079  
Tài khoản : 55397979 tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng.  
Mã số thuế : 0202141500

### II. Bên nhận thầu (bên B): CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM

Đại diện là : Ông Trịnh Việt Dũng Chức vụ: Giám đốc  
Trụ sở : Số 12/3/33 Ngõ 2 Phố Văn Trì, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội.  
Điện thoại : 0972428939  
Tài khoản : 19037066281010 tại Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam  
– Chi nhánh Nguyễn Cơ Thạch  
Mã số thuế : 0201574928

Bên A và Bên B sau đây được gọi chung là “Các Bên”, và gọi riêng là “Bên”.

Sau khi thỏa thuận, các Bên thống nhất ký kết Hợp Đồng này với các điều khoản như sau:

## **ĐIỀU 1. NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG**

**1.1.** Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện các công tác thí nghiệm nén tĩnh cho cọc ly tâm tại dự án: “**Khu nhà ở xã hội tại Tổng kho 3 Lạc Viên (số 142 Lê Lai), phường Máy Chai và phường Cầu Tre, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng**” theo đúng yêu cầu của Dự án và các tiêu chuẩn hiện hành.

a) Phạm vi công việc:

- Chịu chi phí huy động thiết bị thí nghiệm;
- Cung cấp kỹ sư, thiết bị thí nghiệm để thực hiện thí nghiệm nén tĩnh đáp ứng yêu cầu tiến độ;
- Cung cấp hồ sơ bằng cấp, chứng chỉ con người, máy móc đủ năng lực thực hiện các công tác thí nghiệm.)
- Thực hiện thí nghiệm đảm bảo tiến độ dự án và đề cương thí nghiệm đã lập;
- Lập đề cương, báo cáo, biên bản, kết quả kiểm tra, kiểm định, nghiệm thu hoặc các tài liệu khác có liên quan đến công tác thí nghiệm được Bên A và Nhà thầu tư vấn (Tư vấn quản lý dự án và tư vấn giám sát) chấp thuận (hoặc nghiệm thu) cho toàn bộ các công việc;
- Chịu các chi phí khác để hoàn thành công việc;

b) Sản phẩm giao nộp:

- Số lượng tài liệu: 08 bộ đóng dấu và được Bên A chấp thuận;
- Báo cáo, phiếu kết quả thí nghiệm theo yêu cầu của Bên A và Nhà thầu tư vấn;
- Hồ sơ thực hiện và báo cáo;
- Ngôn ngữ: Tiếng Việt
- Địa điểm giao nhận hồ sơ: Công ty cổ phần Thái-Holding. Địa chỉ: Lô B5 (MG02-15), số 1 Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Thời gian giao nộp sau khi kết thúc thí nghiệm: 03 ngày

**1.2.** Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định.

**1.3.** Giá trị hợp đồng: **5.679.102.240** đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ sáu trăm bảy mươi chín triệu một trăm linh hai nghìn hai trăm bốn mươi đồng./.*)

ST T	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Thí nghiệm nén tĩnh thử tải cọc bê tông D600 bằng phương pháp chất tải. Tải trọng nén từ 440 tấn	cọc	35	123.332.000	4.316.620.000
1a	Khu cao tầng CT1, CT2, CT3 và CT4: 24 cọc D600		24		

ST T	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1b	Khu cao tầng CT5 và CT6: 10 cọc D600		10		
1c	Bể xử lý nước thải: 01 cọc D600		1		
2	Thí nghiệm nén tĩnh thử tải cọc bê tông D350 bằng phương pháp chất tải. Tải trọng nén từ 140 tấn	cọc	24	39.242.000	941.808.000
2a	Bể xử lý nước thải: 01 cọc D350		1		
2b	Tháp tầng: 23 cọc D350		23		
	<b>Cộng trước VAT</b>				<b>5.258.428.000</b>
	<i>Thuế VAT 8%</i>				<i>420.674.240</i>
	<b>Cộng sau VAT</b>				<b>5.679.102.240</b>

- Giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT và không giới hạn các khoản thuế, phí, lệ phí khác mà Bên B có nghĩa vụ thực hiện với Nhà nước; chi phí cần thiết để Bên B hoàn thành toàn bộ phạm vi công việc theo quy định trong Hợp đồng.
- Đơn giá trên đã bao gồm công tác lập đề cương và báo cáo công tác thí nghiệm. Đã bao gồm: cung cấp, vận chuyển, lắp đặt và tháo dỡ đối trọng và hệ khung phục vụ thí nghiệm (tải trọng thí nghiệm  $\geq$  140 tấn/1 cọc D350 và  $\geq$  440 tấn/1 cọc D600). Đã bao gồm chi phí vận chuyển máy đến và đi khỏi công trường thí nghiệm.
- Khối lượng thanh/quyết toán hợp đồng căn cứ theo khối lượng thực tế được nghiệm thu xác nhận bởi Bên A.

## **ĐIỀU 2. THỜI GIAN THỰC HIỆN**

### 2.1. Thời gian thực hiện:

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Theo tiến độ cụ thể khi bên A bàn giao cọc thí nghiệm đã đủ điều kiện thí nghiệm cho bên B. Bên A thông báo cho Bên B trước khi thực hiện ít nhất 03 ngày.

## **ĐIỀU 3. TẠM ỨNG, QUYẾT TOÁN VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG**

### a) Tạm ứng:

Bên A sẽ tạm ứng cho bên B tối đa **30%** giá trị hợp đồng ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

Các loại văn bản đề nghị tạm ứng bao gồm:

- Đề nghị tạm ứng theo hợp đồng;
- Bản sao hợp đồng đã ký;

Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi từ các đợt thanh toán. Mức thu hồi tạm ứng của mỗi đợt thanh toán bằng giá trị hoàn thành trong kỳ thanh toán nhân với tỷ lệ tạm ứng rồi chia cho 0,8 và thu hồi hết tiền tạm ứng khi giá trị khối lượng hoàn thành và được Bên A nghiệm thu đạt 80% (tám mươi phần trăm) giá trị Hợp đồng thi công.

- ### b) Các đợt thanh toán công việc thí nghiệm cọc sẽ được phân chia hoàn thành theo Hạng mục công trình như bể xử lý nước thải, các khu nhà thấp tầng, các khu nhà

cao tầng và thanh toán không quá 03 lần thanh toán. Sau khi Bên B hoàn thành công việc thí nghiệm, dọn dẹp trả lại mặt bằng cho bên A theo hạng mục công trình cụ thể. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 85% giá trị khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu thanh toán khi nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ như sau:

- + Danh mục hồ sơ thanh toán;
  - + Thư/công văn/giấy đề nghị thanh toán;
  - + Bảng xác nhận giá trị khấu trừ tạm ứng;
  - + Bảng tổng hợp giá trị đề nghị thanh toán, có xác nhận A – B;
  - + Biên bản nghiệm thu Báo cáo kết quả thí nghiệm kèm theo Báo cáo kết quả thí nghiệm;
  - + Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành;
  - + Các hồ sơ tài liệu giải trình, bổ sung (nếu có);
  - + Hóa đơn GTGT;
- c) Sau khi Bên B bàn giao toàn bộ công việc hoàn thành theo Hợp đồng và Bên B bàn giao đầy đủ hồ sơ đề nghị quyết toán hợp lệ. Bên A thanh toán **95%** giá trị quyết toán sau khi đã trừ các khoản phạt, bồi thường và các chi phí khác (nếu có) cho Bên B trong vòng **20 ngày** làm việc kể từ ngày Bên B đệ trình. Hồ sơ quyết toán hợp lệ được lập thành 08 bản, bao gồm các tài liệu như sau:
- + Danh mục hồ sơ quyết toán;
  - + Đề cương thí nghiệm được duyệt;
  - + Thư/công văn/giấy đề nghị thanh toán;
  - + Bảng xác nhận giá trị khấu trừ tạm ứng;
  - + Bảng tổng hợp giá trị đề nghị quyết toán, có xác nhận A – B;
  - + Biên bản nghiệm thu Báo cáo kết quả thí nghiệm kèm theo Báo cáo kết quả thí nghiệm (nếu đã nộp giai đoạn thanh toán thì không cần nộp lại);
  - + Biên bản nghiệm thu bàn giao toàn bộ công việc hoàn thành;
  - + Các hồ sơ tài liệu giải trình, bổ sung (nếu có);
  - + Hóa đơn GTGT;
  - + Biên bản thanh lý hợp đồng.
- d) Sau khi có kết luận của đơn vị kiểm toán độc lập xác nhận được giá trị quyết toán cũng như đầy đủ hồ sơ thanh/quyết toán, nghiệm thu, bàn giao. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B toàn bộ giá trị hợp đồng trong vòng **20 ngày** làm việc kể từ ngày Bên B đệ trình.
- e) Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.
- f) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Trường hợp Bên B thay đổi bất kỳ thông tin chuyển khoản nào được nêu tại phần giới thiệu dẫn đến phát sinh chi phí và/hoặc thiệt hại thì phải chịu mọi trách nhiệm.

#### **ĐIỀU 4. BẢO HIỂM**

Trong quá trình thực hiện thí nghiệm, Bên B phải mua bảo hiểm nhân sự và các Bảo hiểm khác theo trách nhiệm và quy định của Nhà nước.

#### **ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A**

##### **5.1. Quyền của Bên A:**

Ngoài các quyền khác đã quy định trong Hợp đồng, Bên A còn có quyền sau:

- a) Nếu Bên A xét thấy mình có quyền với bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ Điều nào hoặc các quy định khác liên quan đến Hợp đồng thì phải thông báo và cung cấp các dẫn chứng cụ thể cho Bên B.
- b) Bên A có quyền không ký nghiệm thu khối lượng đã thí nghiệm và yêu cầu Bên B làm lại các công tác không đúng theo yêu cầu kỹ thuật đã được phê duyệt.
- c) Bên A có quyền lập biên bản đình chỉ tạm dừng thực hiện tại hiện trường trong những trường hợp mà công việc thí nghiệm của Bên B không đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, không đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, không đúng quy trình, quy phạm hiện hành do Bộ Xây dựng ban hành.
- d) Bên A có quyền cắt giảm khối lượng công việc của Bên B để đảm bảo tiến độ, chất lượng của công trình nếu thấy Bên B có dấu hiệu thực hiện hợp đồng chậm tiến độ hoặc không đảm bảo chất lượng kết quả thí nghiệm mà Bên A đã nhắc nhở bằng văn bản và Bên B không có động thái khắc phục. Trong trường hợp trên, Bên A có quyền chuyển khối lượng cùng giá trị phần cắt giảm giao cho Nhà thầu khác thực hiện.
- e) Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay đổi nhân sự phục vụ thí nghiệm, nếu Bên A có bằng chứng cho thấy nhân viên của Bên B không có đầy đủ chứng chỉ, bằng cấp, hoặc không đủ năng lực hoặc có một số biểu hiện tiêu cực khác, Bên B phải có trách nhiệm thực hiện ngay những yêu cầu này.
- f) Bên A có quyền không thanh toán giá trị khối lượng không đảm bảo chất lượng hoặc khối lượng phát sinh không hợp lý hoặc khối lượng phát sinh mà Bên B tự thực hiện không được sự chấp thuận trước của Bên A.
- g) Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định trong Hợp đồng và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- h) Bên A chỉ cho Bên B vị trí đầu nối nguồn điện, nước của nhà máy. Bên B phải có đồng hồ điện, nước để khi sử dụng bao nhiêu thì phải thanh toán lại cho bên Bên A theo đơn giá nhà nước.
- i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

##### **5.2. Trách nhiệm của Bên A:**

- a) Cung cấp các tài liệu liên quan đến việc thí nghiệm (Bản vẽ thiết kế được phê duyệt, tiến độ ép cọc Thí nghiệm, mặt bằng thí nghiệm,...);

- b) Cung cấp trước cho bên B toàn bộ mẫu văn bản liên quan đến hồ sơ chất lượng, thanh toán trước khi đi vào thực hiện công tác thí nghiệm tại hiện trường.
- c) Thông báo cho Bên B trước 24 giờ trước khi thực hiện hoặc trước khi có bất kỳ phát sinh nào để bên B sắp xếp nhân sự, dụng cụ, thiết bị phục vụ thí nghiệm.
- d) Tổ chức giám sát, xử lý mọi trở ngại, vướng mắc về kỹ thuật nảy sinh trong thi công. Nghiệm thu khối lượng từng phần, toàn bộ, kể cả công việc phát sinh.
- e) Cử đại diện có thẩm quyền để thực hiện giám sát tất cả các hoạt động thi công của Bên B, phối hợp với Bên B giải quyết tất cả các vướng mắc trong quá trình thi công. Việc cử đại diện của Bên A sẽ được thông báo cho Bên B. Tại bất kỳ thời điểm nào, Bên A và/hoặc những người được Bên A ủy quyền có quyền tiếp cận công trường và tất cả các phòng thí nghiệm, phân xưởng hoặc các địa điểm gia công, chế tạo, sản xuất, hoặc chuẩn bị vật tư và máy móc phục vụ cho công trình của Bên B.
- f) Tổ chức nghiệm thu và lưu trữ kết quả; tổ chức nhận tài liệu do Bên B giao.
- g) Thanh toán cho Bên B theo như điều 3 của hợp đồng này.

## **ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B**

### **6.1. Quyền của Bên B:**

- a) Được quyền đề xuất với Bên A về khối lượng phát sinh ngoài Hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi Hợp đồng khi chưa được hai Bên thống nhất về chi phí và thời gian; và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.
- b) Được thay đổi phương án thực hiện thí nghiệm sau khi đã được Bên A chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá Hợp đồng đã ký kết; Việc thay đổi này cần có sự chấp thuận của Bên A hoặc phê duyệt bởi Nhà thầu tư vấn.
- c) Tiếp cận công trường:
  - Bên A phải bàn giao cho Bên B mặt bằng đủ điều kiện thi công công trình để Bên B thực hiện Hợp đồng.
  - Trường hợp Bên B không nhận được mặt bằng thi công công trình do sự chậm trễ của Bên A và phải gánh chịu chi phí phát sinh trong thời gian này thì Bên B phải được thanh toán chi phí phát sinh trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất với Bên A và bổ sung vào trong giá hợp đồng.
- d) Được thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ Bên B đã bỏ ra với mục đích thực hiện dự án, bao gồm các chi phí chuẩn bị và chi phí huy động nhân sự, máy móc thiết bị, vật tư và các chi phí khác trước và sau ngày khởi công.

### **6.2. Trách nhiệm của Bên B:**

- a) Cử các cán bộ, nhân viên có năng lực phù hợp thường xuyên liên hệ với Bên A để giải quyết các vấn đề liên quan đến Công việc Bên B đảm nhận.
- b) Chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị máy móc cần thiết để đảm bảo thực hiện

theo nội dung hợp đồng, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của dự án.

- c) Bố trí đủ cán bộ có năng lực chuyên môn thực hiện thí nghiệm tại hiện trường theo yêu cầu của Bên A và thực hiện nghiêm túc việc thay thế những cán bộ thực hiện nhiệm vụ này nếu năng lực không đáp ứng yêu cầu công việc khi có yêu cầu từ Bên A
- d) Thực hiện đúng khối lượng công việc được yêu cầu, đảm bảo thời gian và tiến độ ra báo cáo.
- e) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về nhân sự cũng như an toàn lao động khi tổ chức triển khai công việc.
- f) Cung cấp các hồ sơ pháp lý, chứng chỉ chuyên môn và các tài liệu liên quan khác của cơ sở và người thực hiện (còn hiệu lực).
- g) Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác, độ tin cậy của các sản phẩm kết quả thí nghiệm khi giao cho Bên A.
- h) Bằng kinh phí của mình Bên B phải chịu mọi trách nhiệm về an toàn lao động của toàn bộ công nhân bên mình, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trong phạm vi công việc mình thực hiện trước các đơn vị kiểm tra ban ngành liên quan đến Bên A.
- i) Từ chối thực hiện đối với yêu cầu của Bên A trái với các quy định pháp luật.
- j) Cùng Bên A để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Nếu kết quả bàn giao có sai sót do lỗi của Bên B (do lỗi xuất bản), Bên B phải cung cấp lại đầy đủ, chính xác kịp thời trong vòng 24h (Khi bên A giao trả lại toàn bộ các bản lỗi cho bên B).
- k) Lập hồ sơ nghiệm thu, thanh toán trình Bên A theo quy định của Hợp đồng.
- l) Cung cấp đầy đủ báo cáo kết quả thí nghiệm đúng theo qui định cho bên A. Cung cấp hóa đơn thuế GTGT hợp lệ cho Bên A.

#### **ĐIỀU 7. TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- Trường hợp có vấn đề gì bất lợi phát sinh hoặc có tranh chấp, hai bên sẽ cùng bàn bạc giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác.
- Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng sẽ đưa khiếu nại tới Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng để giải quyết. Phán quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng là quyết định cuối cùng mà hai bên có nghĩa vụ thi hành. Chi phí xét xử và các chi phí khác liên quan đến việc giải quyết tranh chấp sẽ do bên thua chịu.

#### **ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG**

- “**Bất Khả Kháng**” có nghĩa là (các) sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước và không thể khắc phục được mặc dù Các Bên đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết với mọi khả năng cho phép. Tùy thuộc vào những điều kiện trên, Bất Khả Kháng được định nghĩa trong Hợp Đồng này bao gồm nhưng không giới hạn

bởi động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, nổi dậy hoặc chiến tranh, thay đổi chính sách, pháp luật của Nhà nước hoặc bất kỳ trường hợp tương tự nào khác.

- Trong trường hợp sự kiện Bất Khả Kháng kéo dài liên tục quá 15 (mười lăm) ngày, thì một Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng. Thông báo chấm dứt Hợp Đồng phải ghi cụ thể nguyên nhân chấm dứt là do sự kiện Bất Khả Kháng dẫn đến việc không thể tiếp tục thực hiện Hợp Đồng.

#### **ĐIỀU 9. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

- Phạt không đảm bảo chất lượng: Nếu kết quả kiểm tra của Bên B có sai sót gây thiệt hại thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B phải đền bù mọi thiệt hại cho Bên A. Giá trị phạt tối đa không quá 6% giá trị hợp đồng
- Phạt chậm bàn giao kết quả: Nếu bên B chậm bàn giao kết quả thí nghiệm cho bên A thì Bên B phải chịu phạt 5.000.000 đồng cho mỗi ngày nộp chậm, giá trị phạt tối đa không quá 6% giá trị hợp đồng.

#### **ĐIỀU 10. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

a) Hợp Đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

- + Hợp Đồng đã được hoàn thành;
- + Theo thỏa thuận của Các Bên;
- + Một trong hai Bên bị giải thể, phá sản;
- + Hợp Đồng bị hủy bỏ theo quy định tại Hợp Đồng;
- + Một Bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng do Bên kia vi phạm Hợp Đồng;
- + Hợp Đồng chấm dứt do Bất Khả Kháng.

b) Trừ khi có quy định cụ thể tại các điều khoản khác của Hợp Đồng và pháp luật, trường hợp một Bên hủy bỏ, đơn phương chấm dứt Hợp Đồng không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 điều này của Hợp Đồng thì sẽ bị coi là vi phạm Hợp Đồng. Bên vi phạm sẽ nộp 1 khoản phí là 8% giá trị hợp đồng đồng thời chịu mọi phí tổn phát sinh cho Bên còn lại.

#### **ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, và chấm dứt theo Điều 10 của Hợp Đồng. Vào thời điểm Hợp Đồng chấm dứt thì Hợp Đồng sẽ tự động thanh lý không cần bất kỳ biên bản/thỏa thuận thanh lý nào bởi và giữa các Bên;
- Mọi sửa đổi, bổ sung đối với Hợp Đồng này chỉ có hiệu lực nếu được lập thành văn bản được Các Bên ký kết hợp lệ;
- Hợp Đồng này được lập thành 08 bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 06 bản, Bên B giữ 02 bản.



GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Thế Tâm*



GIÁM ĐỐC  
*Trịnh Việt Dũng*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----000-----

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

Số:.....01.../2025/HĐTP/TS-TN

- Hạng mục : Thi công ép cọc bê tông ly tâm  
Công trình : Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội và nhà ở công nhân  
Địa điểm : Xã Lê Hồ - huyện Kim Bảng – tỉnh Hà Nam

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2025



**CĂN CỨ ĐỂ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG**

- Căn cứ các văn bản pháp luật liên quan của nước CHXHCN Việt Nam
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của mỗi bên.

Hôm nay, tại Văn phòng Công ty TNHH Thanh Sơn Hà Nam, chúng tôi gồm các bên sau đây:

**CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG**

**BÊN GIAO (Bên A): CÔNG TY TNHH THANH SON HÀ NAM**

- Đại diện : Bà Nguyễn Thị Thanh Sơn Chức vụ: Giám đốc  
Địa chỉ : Tiểu khu Lâm Sơn, TT Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam  
Điện thoại : 024 22401689  
Tài khoản số : 05411 03270007  
Tại ngân hàng : TMCP Quân đội - CN Thăng Long  
Mã số thuế : 0700757243

**BÊN NHẬN (Bên B): CÔNG TY CPTM XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM**

- Đại diện : Ông Trịnh Viết Dũng Chức vụ: Giám đốc  
Địa chỉ : Số 12/3/33 ngõ 2 phố Văn Trì, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội  
Điện thoại : 0972 428 939  
Tài khoản số : 19037066281010  
Tại ngân hàng : TMCP kỹ thương Việt Nam- CN Nguyễn Cơ Thạch  
Mã số thuế : 0201574928

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng xây dựng với những điều khoản sau:

**ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thi công ép cọc bê tông ly tâm bằng robot cho công trình trên theo đúng nội dung bản vẽ thiết kế được duyệt.

**Điều 2: Giá trị hợp đồng:**

STT	Công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Tổng tiền (VNĐ)
	<b>Thi công ép cọc bằng Robot</b>				
1	Ép thử, ép cọc thí nghiệm	Tim		3.000.000	-
2	Phục vụ nén tĩnh	Tim		3.000.000	-
3	Ép đại trà cọc D400	md	10.000	40.000	400.000.000
4	Điện máy phát	md	10.000	8.000	80.000.000
5	Cắt cọc dương để di chuyển máy	Cọc		60.000	-
<b>Tổng giá trị chưa bao gồm thuế VAT (VNĐ):</b>					<b>480.000.000</b>
<b>Thuế VAT 8% (VNĐ):</b>					<b>38.400.000</b>
<b>Tổng giá trị đã bao gồm thuế VAT (VNĐ):</b>					<b>518.400.000</b>

*(Bằng chữ: Năm trăm mười tám triệu, bốn trăm nghìn đồng.)*

**Ghi chú:**

- Khối lượng trên là khối lượng tạm tính, khối lượng thanh toán căn cứ vào biên bản nghiệm thu thực tế tại công trường.
- Đơn giá trên đã bao gồm: Hồ sơ nghiệm thu, nhật ký ép cọc trên công trường (bao gồm cả việc nhân bộ, nếu có), cầu hạ cọc.
- Đơn giá chưa bao gồm: chi phí xử lý mặt bằng, làm đường tạm, trắc đạc, khoan dẫn, kết nối cọc lên đài.
- Đơn giá ép cọc âm bằng đơn giá ép cọc đại trà.

**ĐIỀU 2: YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT, CHẤT LƯỢNG, NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO**

**2.1. Yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng**

- Bên B phải thực hiện các công việc theo đúng bản vẽ, yêu cầu kỹ thuật và phương án thi công được phê duyệt:
- Tuân theo các tiêu chuẩn của Nhà nước: TCVN 9394:2012 Đóng và ép cọc – Thi công và nghiệm thu; TCVN 3118:1993.
- Bên A giám sát quá trình thực hiện công việc từ khâu chuẩn bị, trong quá trình thi công và sau khi thi công của Bên B.
- Việc giám sát của Bên A không đồng nghĩa với việc từ bỏ trách nhiệm của Bên B khi công việc đó Bên B thực hiện và nghiệm thu không đạt yêu cầu chất lượng.
- Bên B có trách nhiệm tuân theo tất cả các thủ tục về triển khai thi công, quy trình nghiệm thu và các quy định bắt buộc khác của Bên A trong quá trình thi công.
- Tất cả các công việc của hạng mục công trình và toàn bộ công trình phải được quản lý chất lượng, nghiệm thu xây dựng hoàn thành và bàn giao cho Bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Bên B phải đảm bảo tất cả các máy móc thiết bị dùng để thi công và đo lường (đồng hồ đo áp lực,..) đều phải được kiểm định đúng theo quy định của Nhà nước và còn hiệu lực kiểm định, đảm bảo an toàn về con người, thiết bị trong quá trình thi công.

- Bên B phải đảm bảo hạng mục công việc sau khi hoàn thành phải được Bên A chấp thuận nghiệm thu và nhận bàn giao theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.
- Bên B chịu trách nhiệm về chất lượng của thiết bị, quá trình thi công của mình. Nếu hạng mục công việc không đạt chất lượng thì Bên B phải chịu hoàn toàn chi phí phát sinh để khắc phục, đảm bảo đến khi hạng mục đạt chất lượng theo yêu cầu quy định tại Hợp đồng và được Bên A chấp thuận nghiệm thu và nhận bàn giao theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.
- Số lượng tim cọc được nghiệm thu là số lượng tim cọc thực tế thi công hoàn thành tại công trình (tính từ mũi cọc đến cao độ mặt đất tự nhiên kể cả ép âm (nếu có)) đảm bảo chất lượng theo yêu cầu và được đại diện Bên B xác nhận.
- Cọc được ép với lực ép đầu cọc và chiều dài ép theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt.
- Điều kiện ngừng ép: khi đạt lực ép Pmax hoặc đạt chiều dài Lmin hoặc theo thiết kế do Bên A cung cấp ban đầu;
- Bên B phải cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên có mặt tại hiện trường khi thi công để điều hành việc ép cọc và các công việc khác có liên quan.

## 2.2. Yêu cầu về nghiệm thu, bàn giao

- Đại diện Bên A chỉ nghiệm thu các sản phẩm của Hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng theo quy định tại mục 2.1 nêu trên. Tuy nhiên, việc đồng ý nghiệm thu này không làm giảm đi bất kỳ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Bên B.
- Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của Hợp đồng là hồ sơ quy định của hợp đồng; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao,...
- Bên B có trách nhiệm tuân theo đúng tất cả các thủ tục về nghiệm thu chất lượng theo quy định của hợp đồng.
- Bên B có trách nhiệm bàn giao hạng mục công trình cho Bên A.
- Trường hợp chưa đủ điều kiện để nghiệm thu, bàn giao; các bên xác định lý do và nêu cụ thể những công việc mà Bên B phải làm để hoàn thành hạng mục công trình và được nghiệm thu, nhận bàn giao.

## **ĐIỀU 3: THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

- Thời gian thực hiện: Tiến độ ..... ngày
- Tiến độ thi công sẽ được kéo dài trong các trường hợp xảy ra bất khả kháng theo qui định của Hợp đồng này, các trường hợp do Bên A bổ sung khối lượng thiết kế hoặc các trường hợp khác theo yêu cầu bằng văn bản của Bên A.
- Thời gian chờ việc: Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng, công trình phải dừng thi công vì một nguyên nhân nào đó không phải do lỗi bên B gây ra (chưa có giấy phép xây dựng, thay đổi thiết kế, không có mặt bằng, mặt bằng không đảm bảo thi công, lụt sún, vấn đề giám sát, không thanh toán, không có điện, không tính ngày nghỉ lễ tết...) mà thời gian chờ lũy kế quá 5 ngày thì từ ngày thứ 6 trở đi Bên A phải thanh toán cho Bên B chi phí ca máy và nhân công trong thời gian chờ là 3.000.000đ/ ngày chờ đợi.

## **ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN**

- Thanh toán bằng chuyển khoản

b) Tạm ứng hợp đồng:

Không tạm ứng

c) Thanh toán giai đoạn:

Thanh toán thành các đợt khi đạt tối thiểu 30%, 50%; 80% khối lượng.

Hai Bên sẽ tiến hành đối chiếu khối lượng thực hiện, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 85% giá trị khối lượng hoàn thành và được hai Bên xác nhận, nghiệm thu tại công trường. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng tối đa 20 ngày kể từ ngày nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán.

***Hồ sơ thanh toán gồm:***

- Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện;
- Bảng tính giá trị khối lượng hoàn thành;
- Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán
- Hoá đơn GTGT hợp lệ theo yêu cầu của Bộ Tài Chính;
- Các biên bản phát sinh hoặc giảm trừ ( nếu có );
- Công văn đề nghị thanh toán;

d) Quyết toán hợp đồng: Khi bên B hoàn thành 100% khối lượng được Bên A nghiệm thu chất lượng, Bên A sẽ thanh toán hết số tiền còn lại trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên B cung cấp cho Bên A đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ được Bên A chấp nhận.

***Hồ sơ quyết toán gồm:***

- Biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán;
- Bảng tính giá trị khối lượng quyết toán;
- Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán
- Hoá đơn GTGT hợp lệ theo yêu cầu của Bộ Tài Chính;
- Các biên bản phát sinh hoặc giảm trừ ( nếu có );
- Công văn đề nghị thanh toán;

**ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A**

- Thanh toán theo Điều 4 của Hợp đồng.
- Bàn giao toàn bộ hoặc một phần mặt bằng xây dựng phù hợp với tiến độ đủ điều kiện thi công và hồ sơ thiết kế phần móng (đã được phê duyệt), bản vẽ các công trình ngầm hiện hữu cho Bên B. Mặt bằng được giao phải đảm bảo các yếu tố kỹ thuật. Trường hợp mặt bằng không đảm bảo thì Bên A có trách nhiệm hoàn thiện mặt bằng trước khi bàn giao cho Bên B. Biên bản bàn giao mặt bằng được xác nhận bởi Bên B và Ban chỉ huy Bên A.
- Bàn giao mốc tọa độ và cao độ công trình cho Bên B.
- Tạo mọi điều kiện cần thiết cho Bên B thi công.
- Xử lý các vật cản dưới vị trí ép cho Bên B trước khi thi công (nếu có). Trường hợp khi thi công ép cọc đưng phải vật cản Bên B phải thông báo kịp thời cho Bên A và cùng phối hợp xử lý không làm ảnh hưởng đến kết cấu cọc. Thời gian ngưng thi công chờ Bên A xử lý vật cản dưới vị trí ép sẽ được cộng thêm vào tiến độ thi công.
- Cử người đại diện đủ quyền hạn, trách nhiệm điều hành phối hợp chung trên công trường để Bên B thuận lợi trong việc tổ chức thi công, đảm bảo tiến độ thi công công trình kể cả khi có yêu cầu cần

đẩy nhanh tiến độ Bên B phải thi công tăng ca, ngoài giờ bằng chi phí của mình, kiểm tra và ký nghiệm thu, xác nhận khối lượng ngay sau khi Bên B hoàn tất công việc.

- Bên A có quyền điều chỉnh phạm vi công việc của Bên B để đảm bảo tiến độ nhưng phải nằm trong phạm vi hợp đồng, chất lượng của công trình nếu thấy nhà thầu có dấu hiệu thi công chậm tiến độ hoặc không đảm bảo chất lượng mà Bên B đã nhắc nhở bằng văn bản;
- Bên A có thể yêu cầu Bên B sa thải bất cứ nhân lực nào ở công trường hay công trình, kể cả đại diện của Bên B nếu những người đó: có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cẩn; không tuân thủ bất kỳ Điều Khoản nào của Hợp đồng; gây phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường;
- Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế bất cứ thiết bị thi công nào có biểu hiện mất an toàn hoặc được cho là không phù hợp với yêu cầu của Dự án;
- Bên A sẽ đình chỉ thi công và thậm chí đơn phương hủy hợp đồng với Bên B, nếu xét thấy trong quá trình thi công không đảm bảo các yêu cầu về an toàn lao động, trình độ tay nghề kỹ thuật hoặc làm lãng phí, thất thoát nguyên vật liệu. Trong trường hợp đó, Bên B sẽ được thanh toán phần khối lượng đã được nghiệm thu, còn đối với phần phải tháo dỡ do không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật sẽ không được thanh toán và Bên B phải bồi thường thiệt hại do lãng phí, hư hỏng

#### **ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B**

- Bên B chịu trách nhiệm thực hiện các công việc sau:
  - + Thi công ép cọc theo đúng bản vẽ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật và phương án thi công được phê duyệt;
  - + Xử lý khuyết tật, hư hỏng do quá trình thi công gây ra;
  - + Vệ sinh hoàn thiện trong suốt quá trình thi công phần việc của nhà thầu, toàn bộ khu vực được phân công thi công;
  - + Chịu trách nhiệm: chỗ ăn, chỗ ở và tất cả các vấn đề liên quan đến công nhân của Bên B;
  - + Tất cả các công tác khác để thi công ép cọc (bao gồm công tác an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy,... đảm bảo an toàn trong thi công, yêu cầu của CĐT tại Công trình).
- Bên B phải cung cấp nhân lực, máy móc, thiết bị thi công và các điều kiện vật chất liên quan khác đủ số lượng và chủng loại, độc lập với các hợp đồng đã ký khác để thực hiện các công việc theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết.
- Tổ chức thi công đúng thiết kế đã được Bên A duyệt hoặc xác nhận theo nội dung công việc và chất lượng qui định của hợp đồng.
- Thi công đúng tiến độ quy định tại của hợp đồng.
- Bên B phải cung cấp tiến độ thi công, danh sách nhân sự và máy móc thiết bị bao gồm giấy kiểm định an toàn, bảo hiểm của các máy móc, thiết bị, bảo hiểm nhân sự còn hiệu lực cho Bên A ngay khi hai Bên ký Hợp đồng và phải được sự đồng ý của Bên A trước khi tập kết về công trường.
- Bên B chủ động lên kế hoạch, phối hợp, giải quyết với các đơn vị khác để không ảnh hưởng đến tiến độ thi công đã cam kết với Bên A.
- Bên B phải tự bảo quản toàn bộ vật liệu, thiết bị của Bên B tại công trường. Trường hợp xảy ra mất mát, hao hụt, Bên B phải tự chịu trách nhiệm và phải cung cấp lại vật tư, thiết bị mới.
- Bên B sau khi nhận bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công, Bên B có trách nhiệm bảo quản, sử dụng.

- Sau khi nhận bản vẽ thi công từ Bên A cung cấp, Bên B có trách nhiệm đọc hiểu hồ sơ thiết kế, khảo sát, định vị trước khi bắt đầu công việc. Trong trường hợp phát hiện sai sót về kích thước, cao trình thể hiện, Bên B phải thông báo cho Bên A hoặc Tư vấn giám sát trước khi thi công.
- Bên B sau khi tiếp nhận thông tin các điểm mốc, cao trình do Bên A cung cấp, Bên B phải phối hợp với Bên A kiểm tra độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.
- Bên B phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập quyết toán hợp đồng.
- Cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp lệ cho Bên A. Mọi sự chậm trễ trong việc cung cấp các hồ sơ này làm ảnh hưởng đến tiến độ thanh toán của Bên B thì Bên A không chịu trách nhiệm và Bên B phải thực hiện công việc theo đúng tiến độ thi công.
- Bên B phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, ổn định và an toàn của mọi thao tác trên công trường và mọi biện pháp thi công.
- Có trách nhiệm khắc phục hậu quả kịp thời nếu để xảy ra các sai phạm do lỗi của Bên B gây ra trong quá trình thi công.
- Chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ các chi phí bị thiệt hại trong trường hợp Bên B ép cọc bị lệch tâm (độ lệch vượt quá tiêu chuẩn cho phép) hoặc cọc bị hư hỏng trong quá trình thi công ép cọc (được xác định nguyên nhân bởi các bên liên quan).
- Bên B không chịu trách nhiệm trong và sau quá trình thi công làm ảnh hưởng đến các công trình, hạng mục xung quanh mà không do lỗi của Bên B trực tiếp gây ra.
- Chịu sự điều phối và chấp hành mọi quy định trên công trường của Chủ đầu tư và của Bên A.
- Bên B phải thường xuyên có cán bộ quản lý ở công trường để xử lý mọi công việc liên quan theo sự chỉ đạo của Bên A. Phối hợp chặt chẽ với Bên A hay đại diện của Bên A trong quá trình thi công.
- Bên B phải giữ bí mật thông tin liên quan đến Hợp đồng hoặc pháp luật có qui định liên quan đến bảo mật thông tin.
- Bên B phải mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho công nhân của mình và bảo hiểm máy móc thiết bị tư khi mang vào phục vụ công tác thi công và xuất trình khi Bên A yêu cầu.
- Công nhân trên công trường phải được trang bị bảo hộ lao động (nón, áo bảo hộ, ... ) đảm bảo an toàn lao động. Những trường hợp không trang bị bảo hộ lao động sẽ không được vào công trình. Bảo đảm an ninh, trật tự, không gây ảnh hưởng đến các khu dân cư xung quanh.
- Bên A bằng chi phí của mình, chịu trách nhiệm hoàn toàn trong công tác dọn dẹp các loại rác thải của Bên B trong quá trình thi công (trừ các phần cọc cắt thừa trong lúc thi công bị chối), bảo vệ môi trường, dọn khỏi công trường tất cả các thiết bị thi công, phế thải, rác và phải làm vệ sinh sạch sẽ khu vực thi công và sản phẩm hoàn thành được nghiệm thu trước khi bàn giao.
- Khi thi công Bên B có trách nhiệm bảo vệ và giữ gìn sản phẩm của Bên A cũng như các nhà thầu phụ khác của Bên A. Nếu xảy ra hư hỏng do lỗi của Bên B thì Bên B phải bồi thường thiệt hại.
- Bên B có trách nhiệm bảo vệ và giữ gìn sản phẩm của mình cho đến khi bàn giao cho Bên A.
- Thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết, không được tự ý đơn phương chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng và/hoặc chuyển giao hợp đồng dưới bất kỳ hình thức nào cho Bên thứ ba mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.

## **ĐIỀU 7: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Trường hợp có tranh chấp hợp đồng, hai bên thương thảo để tránh thiệt hại cho mỗi bên. Trường hợp không thương thảo được thì đưa ra toà án kinh tế. Toà án kinh tế là người phán quyết cuối cùng.

## **ĐIỀU 8: BẤT KHẢ KHÁNG**

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như dịch bệnh, động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
  - + Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng xảy ra.
  - + Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.
- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.
  - + Nếu có sự tổn thất về kinh tế, hai bên sẽ thương thảo giúp đỡ nhau về sự thiệt hại bất khả kháng.

**ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng. Hợp đồng được tự thanh lý khi bên A đã chuyển hết số tiền theo đúng hoá đơn GTGT cho bên B. Sau khi hai bên thực hiện xong công việc và trách nhiệm trong hợp đồng thì hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.
- Hợp đồng này làm thành 02 bản. Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 01 bản.
- Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**




**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Thị Thanh Sơn*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**




**GIÁM ĐỐC**  
*Trịnh Việt Dũng*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

*Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2022*

**HỢP ĐỒNG**

*Số: 558 /2022/HĐTV/TNCA*

**Gói thầu** : TNCA: Thí nghiệm cọc thí nghiệm nhà cao tầng – toà A

**Dự án** : Đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội tại phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

**Địa điểm** : Phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

GIỮA

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ - CÔNG TY TNHH**

VÀ

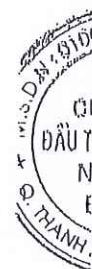
**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM**

*Hà Nội, năm 2022*

*135*

## PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020;
- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ xây dựng về việc: Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng;
- Quyết định số 706/QĐ-BXD ngày 21/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị;
- Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở xã hội tại phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;
- Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng Khu nhà ở xã hội tại phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;
- Quyết định số 2226/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chấp thuận Nhà đầu tư thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội tại tại phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;
- Quyết định số 145/QĐ-HĐTV ngày 09/3/2022 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án:



Đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội tại phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;

- Quyết định số 2171/QĐ-HUD ngày 06/7/2022 của Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn Bên B đợt 5-2022, dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội tại phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;

- Quyết định số 2199/QĐ-HUD ngày 11/7/2022 của Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị về việc phê duyệt dự toán gói thầu TNCA: Thí nghiệm cọc thí nghiệm nhà cao tầng – toà A của dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội tại phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;

- Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 26/7/2022 giữa Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị và Công ty cổ phần thương mại xây dựng nền móng Thành Nam về việc thực hiện gói thầu TNCA: Thí nghiệm cọc thí nghiệm nhà cao tầng – toà A tại dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội tại phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;

- Quyết định số 2467/QĐ-HUD ngày 28/7/2022 về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn Bên B gói thầu TNCA: Thí nghiệm cọc thí nghiệm nhà cao tầng – toà A tại dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội tại phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

## PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

### 1. CHỦ ĐẦU TƯ (Bên A):

Tên giao dịch : **TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ - CÔNG TY TNHH**

Đại diện : Ông Phạm Văn Ân Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Địa chỉ : Tầng 28-32, Tòa nhà HUDTOWER, số 37 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Tài khoản : 21110000001860 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội

Mã số thuế : 0100106144

Điện thoại : 0243.773 8600 Fax: 0243.773 8640

Giấy Ủy quyền số 1895/UQ-HUD ngày 15/6/2022 của Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị về việc Ủy quyền cho ông Phạm Văn Ân – Phó Tổng giám đốc HUD ký các hợp đồng trong hoạt động xây dựng, thực hiện dự án.

### 2. NHÀ THẦU (Bên B):

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM**

10014  
TỔNG  
CÔNG  
TY ĐẦU TƯ  
PHÁT  
TRIỂN  
HÀ V  
ĐÔ TH  
10014  
TỔNG  
CÔNG  
TY ĐẦU TƯ  
PHÁT  
TRIỂN  
HÀ V  
ĐÔ TH

Đại diện : Ông **Trịnh Viết Dũng** Chức vụ: Giám đốc  
Địa chỉ : Số nhà 12 hẻm 3 ngách 33 số 2 phố Văn Trì, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội  
Tài khoản : 19037066281010 NH Techcombank CN Nguyễn Cơ Thạch  
Mã số thuế : 0201574928

### 3. Các Bên tại đây thống nhất thoả thuận như sau:

#### Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ (được định nghĩa và diễn giải) sẽ có ý nghĩa như diễn giải sau đây và được áp dụng cho Hợp đồng này, trừ khi ngữ cảnh đòi hỏi diễn đạt rõ một ý nghĩa khác.

1.1 "Bên A" là : Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị.

1.2 "Bên B" là: Công ty cổ phần thương mại xây dựng nền móng Thành Nam.

1.3 "Dự án" là Dự án: Đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội tại phường Đồng Văn, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

1.4 "Đại diện Bên A" là : Ông **Phạm Văn Ân** (người được Bên A nêu ra trong Hợp đồng) thay mặt Bên A điều hành công việc.

1.5 " Đại diện Bên B" là : Ông **Trịnh Viết Dũng** (người được Bên B nêu ra trong Hợp đồng) điều hành công việc thay mặt Bên B.

1.6 Bên là Chủ đầu tư (Bên A) hoặc Nhà thầu (Bên B) tùy theo ngữ cảnh.

1.7 "Ngày" trừ khi được qui định khác trong hợp đồng, "ngày" được hiểu là ngày dương lịch. "Ngày làm việc" là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.8 "Bất khả kháng" được định nghĩa tại Điều 16 [Rủi ro và bất khả kháng]

1.9 "Luật" là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn có liên quan của trung ương và địa phương.

1.10 "Phương án kỹ thuật" là phương án kỹ thuật thi công và dự toán thi công được Chủ đầu tư Thông qua.

#### Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng; các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này.

2.2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Các chỉ dẫn kỹ thuật, phương án kỹ thuật;
- b) Biên bản thương thảo hợp đồng, các sửa đổi, bổ sung bằng văn bản;
- c) Các tài liệu khác có liên quan

#### Điều 3. Trao đổi thông tin

TR  
A  
10.4

3.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

3.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

#### **Điều 4. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng**

4.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

4.2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

#### **Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc**

5.1. Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc: **Thí nghiệm cọc thí nghiệm nhà cao tầng – toà A**. Bao gồm các nội dung công việc sau:

a. Lập phương án nén tĩnh cọc thí nghiệm và Báo cáo kết quả thí nghiệm xác định sức chịu tải cọc hiện trường theo quy định.

b. Cung cấp vật liệu, nhân lực và thiết bị theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt và tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.

c. Thực hiện thí nghiệm nén tĩnh cọc tại hiện trường theo phương án được Bên A phê duyệt.

d. Thực hiện nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng, nghiệm thu hoàn thành công trình theo quy định.

e. Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.

f. Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm sau khi hoàn thành.

5.2. Khối lượng công việc chủ yếu: Thí nghiệm nén tĩnh cho 04 Cọc thí nghiệm

5.3. Bên B cung cấp sản phẩm Hợp đồng bao gồm:

a) Báo cáo kết quả thí nghiệm xác định sức chịu tải cọc tại hiện trường.

b) Hồ sơ hoàn công công trình (Biên bản nghiệm thu hoàn thành, hồ sơ chất lượng công trình,...).

#### **Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm**

6.1. Yêu cầu chất lượng Sản phẩm Hợp đồng do Bên B thực hiện:

- Nén tĩnh cọc phải theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Bên A chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ thiết kế phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình xây dựng của nhà nước có liên quan;

- Bên B phải cung cấp cho Bên A các kết quả thí nghiệm, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.

- Bên B đảm bảo vật tư, thiết bị do Bên B cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp chủng loại và nguồn gốc xuất xứ vật tư,

thiết bị chưa được quy định rõ trong hồ sơ hợp đồng, Bên B phải trình Bên A phê duyệt chủng loại và nguồn gốc xuất xứ vật tư, thiết bị trước khi thực hiện.

6.2. Báo cáo kết quả thí nghiệm cọc ép cần đảm bảo các nội dung:

- a. Nội dung chủ yếu của gói thầu;
- b. Đặc điểm, quy mô, tính chất của công trình;
- c. Vị trí và điều kiện tự nhiên của khu vực;
- d. Tiêu chuẩn về nén tĩnh thử tải cọc thí nghiệm được áp dụng;
- e. Khối lượng công việc;
- f. Quy trình, phương pháp và thiết bị cần thực hiện;
- g. Phân tích số liệu, đánh giá kết quả thí nghiệm;
- h. Đề xuất giải pháp kỹ thuật phục vụ cho việc thiết kế, thi công xây dựng công trình;
- i. Kết luận và kiến nghị;
- j. Tài liệu tham khảo;
- k. Các phụ lục kèm theo.

6.3. Số lượng sản phẩm Hợp đồng gồm: 07 bộ Báo cáo kết quả thí nghiệm nén tải trọng tĩnh và 01 USB lưu trữ tài liệu.

#### **Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm**

7.1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm Nén tĩnh thử tải cọc thí nghiệm:

- Hợp đồng giao nhận thầu;
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định của pháp luật hiện hành được áp dụng;
- Quy định hiện hành về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Báo cáo kết quả thí nghiệm cọc ép được Bên A chấp thuận;

7.2. Điều kiện nghiệm thu:

- Sản phẩm Hợp đồng chỉ được nghiệm thu sau khi đã hoàn thành;
- Sản phẩm Hợp đồng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam và theo yêu cầu của Hợp đồng.

7.3. Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần.

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm do Bên B cung cấp, Bên A căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm. Những sai sót trong sản phẩm Bên B phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thoả thuận trong Hợp đồng.

#### **Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng**

8.1. Thời gian thực hiện

- Bên B phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của Hợp đồng trong thời gian 30 ngày. Cụ thể:

+ Ngày bắt đầu: Kể từ ngày Bên A bàn giao mặt bằng.

+ Ngày hoàn thành: Sau 30 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng (thời gian trên bao gồm ngày lễ, chủ nhật nhưng không bao gồm các trường hợp bất khả kháng và thời gian thẩm định hồ sơ của các cấp có thẩm quyền).

8.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Bên B hoặc Bên A gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

8.3. Gia hạn thời gian hoàn thành: Bên B được gia hạn thời gian hoàn thành trong những trường hợp sau

- Trường hợp bất khả kháng (bão lũ, động đất, sóng thần...).
- Trường hợp khối lượng phát sinh lớn hoặc Bên A bàn giao mặt bằng chậm theo yêu cầu tiến độ hoặc các nguyên nhân khách quan khác.
- Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A bằng văn bản nêu rõ lý do cùng với thời gian dự tính kéo dài. Khi nhận được thông báo của Bên B, Bên A có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét về đề nghị của Bên B. Trường hợp Bên A đồng ý gia hạn hợp đồng thì sẽ là cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

8.4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Bên B.

## **Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán**

### **9.1. Giá hợp đồng:**

Giá trị hợp đồng bao gồm thuế VAT 10% (đây là mức thuế chưa áp dụng mức thuế suất miễn, giảm tại Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ. Đến thời điểm quyết toán hợp đồng sẽ thực hiện theo cơ chế chính sách và các văn bản pháp quy hiện hành) và các loại thuế phí khác theo quy định của Nhà nước mà Bên B thực hiện hoàn thành sản phẩm mà Bên A yêu cầu là:

- Bằng số (làm tròn): **495.398.000 đồng.**
- Bằng chữ: *Bốn trăm chín mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn đồng.*

### **9.2. Hình thức hợp đồng: Trọn gói.**

9.3. Tạm ứng: Sau khi ký hợp đồng Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 40% giá trị hợp đồng với giá trị **198.159.200 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm chín mươi tám triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, hai trăm đồng.*)

9.4. Tiến độ thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B một lần vào đợt quyết toán giá trị hợp đồng khi Bên B thực hiện xong toàn bộ công việc theo hợp đồng.

Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị quyết toán công trình kể cả giảm trừ tạm ứng và các thiệt hại khác (nếu có).

### **9.5. Hồ sơ thanh quyết toán và thanh lý hợp đồng gồm: 7 bộ, bao gồm:**

- Báo cáo kết quả thí nghiệm xác định sức chịu tải cọc ép tại hiện trường bằng phương pháp tải trọng tĩnh ép dọc trục theo quy định được Bên A chấp thuận.
- Hồ sơ hoàn công công trình (Biên bản nghiệm thu, khối lượng hoàn thành,...)
- Hoá đơn giá trị gia tăng.

ĐI  
THA

- Đề nghị thanh toán của Bên B bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có).

- Các văn bản pháp lý khác.

9.6. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

9.7. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

#### **Điều 10. Điều chỉnh giá hợp đồng**

10.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký kết Bên B có trách nhiệm phối hợp cùng Bên A thương thảo, ký Phụ lục hợp đồng cho phần công việc phát sinh làm cơ sở nghiệm thu, thanh toán, quyết toán hợp đồng.

10.2. Giá hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Phát sinh khối lượng công việc ngoài phạm vi Hợp đồng.

- Do nguyên nhân bất khả kháng (Theo quy định về “Rủi ro và bất khả kháng”) ảnh hưởng tới hợp đồng.

Khi bổ sung khối lượng công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng, thì các bên thống nhất đơn giá cho công việc này trước khi thực hiện. Việc xác định đơn giá mới theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá cho khối lượng công việc phát sinh, bổ sung ngoài phạm vi hợp đồng; khối lượng chưa có đơn giá trong hợp đồng. Đơn giá mới được xác định theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

11.1. Quyền của Bên B:

- Từ chối thực hiện những yêu cầu trái pháp luật hay không phù hợp với nội dung công việc theo hợp đồng.

- Đề xuất sửa đổi các hạng mục công tác phù hợp với thực tế để đảm bảo chất lượng, hiệu quả, an toàn, đúng mục đích.

- Yêu cầu thanh toán kinh phí theo khối lượng công việc hoàn thành theo quy định hợp đồng.

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế.

11.2. Nghĩa vụ của Bên B:

- Tiếp nhận và quản lý mặt bằng, hồ sơ và các tài liệu liên quan do Bên A bàn giao.

- Thực hiện và chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ, phạm vi công việc được nêu tại Hợp đồng này.

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn, chất lượng, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và các quy định khác trong suốt quá trình thực hiện, bàn giao, bảo hành và khai thác công trình.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quân sự địa phương, chính quyền các cấp và Bên A trong quá trình thực hiện.

- Đảm bảo an ninh trật tự trên công trường để không ảnh hưởng đến dân cư trong khu vực.

02/01/2017  
C  
U  
T  
N  
E  
/WJ

- Lập tiến độ thực hiện, thành lập và giao nhiệm vụ cho các đội thi công, đảm bảo huy động bố trí nhân sự, thiết bị đủ để thực hiện công việc được giao theo tiến độ của hợp đồng.

- Lập hồ sơ nghiệm thu, hoàn công, thanh toán phù hợp với các biểu mẫu theo quy định hiện hành.

- Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Tham gia giải quyết những sự cố có liên quan đến phạm vi công việc do mình thực hiện và báo cáo lên cấp có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

## **Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

### **12.1. Quyền của Bên A:**

- Đàm phán, ký kết, giám sát việc thực hiện hợp đồng.

- Đình chỉ thực hiện hoặc chấm dứt hợp đồng với Bên B trong các trường hợp sau:

+ Phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật của Bên B.

+ Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B không đủ năng lực tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong hợp đồng hoặc có sự vi phạm quy định hợp đồng.

- Yêu cầu tổ chức và cá nhân có liên quan phối hợp để thực hiện các công việc được ghi trong hợp đồng đảm bảo mục tiêu đề ra.

- Không thanh toán giá trị khối lượng không đảm bảo chất lượng và các chi phí không hợp lý.

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **12.2. Nghĩa vụ của Bên A:**

- Cung cấp cho Bên B các hồ sơ, văn bản liên quan đến gói thầu.

- Thanh toán kinh phí cho Bên B theo quy định.

- Bàn giao mặt bằng thi công cho Bên B để thực hiện công việc.

- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 13. Nhân lực của Bên B**

- Nhân lực của Bên B phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng.

- Bên A có quyền yêu cầu Bên B thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Bên A.

- Bên B có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Bên A chấp thuận.

- Bên B tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Bên B

15/11/2013

không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

#### **Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu**

- Bên B sẽ giữ bản quyền công việc do mình thực hiện. Bên A được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép Bên B.

- Bên B phải cam kết rằng sản phẩm do Bên B thực hiện và cung cấp cho Bên A không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

- Bên A sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

#### **Điều 15. Bảo hiểm và Bảo hành**

Bên B phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo qui định.

#### **Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng**

16.1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng. Các bên phải đánh giá các nguy cơ rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro, các phương án quản lý rủi ro của mình.

16.2. Bất khả kháng là sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh.

- Bất khả kháng không bao gồm sự sơ suất hoặc cố ý của một bên nào đó, hoặc bất kỳ sự cố nào mà một bên đã dự kiến được vào thời điểm ký kết Hợp đồng và tránh (hoặc khắc phục) trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm Hợp đồng trong trường hợp phát sinh từ sự kiện bất khả kháng với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đã thực hiện các biện pháp đề phòng theo nội dung của Hợp đồng này.

#### **16.3. Các biện pháp thực hiện trong tình trạng bất khả kháng**

- Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng vào thời gian sớm nhất và trong bất kỳ tình huống nào cũng không chậm hơn 05 (năm) ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra; cung cấp bằng chứng về bản chất và nguyên nhân, đồng thời thông báo việc khắc phục trở lại điều kiện bình thường vào thời gian sớm nhất.

- Các bên sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tối đa mức thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, các bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

- Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một bên hoặc các bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ, một bên sẽ gửi thông báo việc chấm dứt hợp đồng bằng văn bản cho bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực 07 (bảy) ngày sau khi bên kia nhận được thông báo.

#### 16.4. Thanh toán khi xảy ra bất khả kháng

Các khoản chi phí phát sinh hợp lý do Bên B phải chịu hậu quả bất khả kháng để phục hồi hoạt động được Bên A xem xét để thanh toán.

### **Điều 17. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng**

#### 17.1. Tạm ngừng công việc bởi Bên A

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Bên B, Bên A phải nêu rõ phần lỗi của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do tạm ngừng công việc.

#### 17.2. Tạm ngừng công việc bởi Bên B

- Nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng này Bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc.

- Sau khi Bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

- Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên A xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

17.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

### **Điều 18. Chấm dứt hợp đồng**

#### 18.1. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A

Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến Bên B. Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- Bên B không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên B không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 15 ngày mà Bên A có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót đó.

- Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng], hoặc 30 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

- Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A.

- Bên B bị vỡ nợ hoặc phá sản, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người

được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

- Bên B từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 19 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

- Bên B cố ý trình Bên A các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Bên A.

- Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 16 [Rủi ro và bất khả kháng].

- Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có thể thuê các Bên B khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Bên A và các Bên B này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

#### 18.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên B

Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên A tối thiểu là 07 ngày trong các trường hợp sau đây:

- Sau 15 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Bên A.

- Bên A không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 19 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

- Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Bên B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 15 ngày.

- Bên A bị vỡ nợ hoặc phá sản, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

18.3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

18.4. Khi một trong hai bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Bên B sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

18.5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

#### **Điều 19: Khiếu nại và giải quyết tranh chấp**

19.1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 05 ngày. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thoả thuận đã ký.

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

19.2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Toà án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Toà án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

19.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

## **Điều 20: Quyết toán và thanh lý Hợp đồng**

### **20.1. Quyết toán Hợp đồng**

Trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Bên A rằng Bên B đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng, Bên B sẽ trình cho Bên A 07 bộ tài liệu quyết toán và thanh lý hợp đồng, hồ sơ quyết toán và thanh lý bao gồm:

- a) Biên bản bàn giao sản phẩm;
- b) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn;
- c) Bảng tính giá trị quyết toán và thanh lý Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Bên A phải thanh toán cho Bên B.

Bên B sẽ chuẩn bị và trình cho Bên A quyết toán và thanh lý hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

Sau khi hai bên đã thống nhất tài liệu quyết toán và thanh lý, Bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị của Hợp đồng cho Bên B.

20.2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 18 của Hợp đồng.

20.3. Bên A có quyền tự quyết toán hợp đồng trong trường hợp Bên B không phối hợp thực hiện theo Khoản 20.1 và 20.2 của Điều này.

**Điều 21: Điều khoản chung**

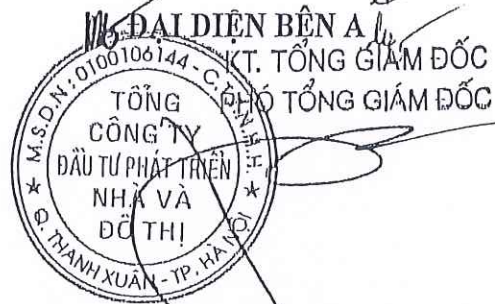
Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này có 14 trang và 21 Điều và được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 06 bản, nhà thầu sẽ giữ 04 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**Đạm Văn Ân**

**GIÁM ĐỐC**

*Trình Việt Dũng*



CÔNG TY CPTM XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU, THÍ NGHIỆM NỀN MÓNG CÔNG TRÌNH LAXD 1780

Địa chỉ : Số 12/3/33 ngõ 2 phố Văn Trì, Phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

Gmail : [Thanhnam.tfc@gmail.com](mailto:Thanhnam.tfc@gmail.com)

Điện thoại : 0972.428.939

---

# CHỨNG CHỈ NHÂN SỰ

HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VỀ  
TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM  
VIỆN CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM



## GIẤY CHỨNG NHẬN

**Ông: Nguyễn Cao Cường**  
*Công ty CP Thương mại Xây dựng Nền móng Thành Nam*

Đã tham dự và hoàn thành khóa đào tạo  
**Quản lý phòng thí nghiệm**  
**theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017**

Ngày 24 tháng 06 năm 2021 tại Hà Nội

Số: 0150/2021/ĐT/VACI

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍN.**  
Số chứng thực...3309...Quyển số...1...SCT/B

Ngày: 20-05-2025

**NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC**

**TUO CHỦ TỊCH**



**CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH**  
**Nguyễn Thị Thắng**

**VIỆN TRƯỞNG**



**TS. Hoàng Hữu Thám**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành  
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của  
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường  
.....  
*Đại học Mở - Địa chất*.....

# BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo CHINH QUI  
ngành *Địa chất công trình - DKT*  
hạng ..... *TB. Khá* ..... năm tốt nghiệp ..... *2004*

và công nhân danh hiệu

Số hiệu bằng

C ..... *0000015*

Số vào sổ

*44-0065*



Chữ ký của người được cấp bằng

.....  
*Kỳ cuối*.....

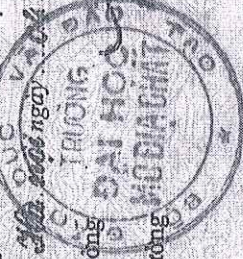
cho ..... *Nguyễn Cao Cường*.....

sinh ngày ..... *26/10/1980* tại ..... *Hà Nội*.....

.....  
*Tháng 08 năm 2004*

Hiệu trưởng

Khoa trưởng



.....  
*Đài Học*



**BẢN SAO**

**VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI**  
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR  
TROPICAL BUILDING MATERIALS (IIBM)



It is here by certificate  
Mr/Mrs: **TRAN VAN BIEN**  
Has successfully passed Training Course on  
**Field experiment, check soil mechanical properties in the**  
**laboratory, in the field.**  
In May 2023

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ỨNG VOI BA CHIEU**  
**NGÀY: 18-08-2023**  
**SỐ CHỨNG THỰC: 0326**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP**  
**VIỆN TRƯỞNG**  
**VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI**  
**CHỨNG NHẬN**

Ông/Bà: **TRẦN VĂN BIÊN**  
Ngày sinh: **18-08-1994**  
Thương trú: **Nam Định**

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:  
**Thí nghiệm hiện trường, kiểm tra tính chất cơ lý đất trong phòng thí**  
**Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới**  
**Trường Đại Học Xây dựng tổ chức.**  
**Thời gian đào tạo: Tháng 05 năm 2023**  
**Kết quả học tập: Đạt loại khá.**

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2023



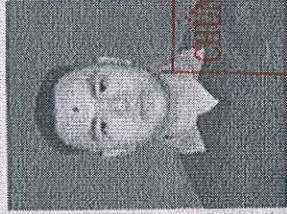
**VIỆN TRƯỞNG**  
**PGS.TSKT. Bạch Đình Chiến**

Ref: NV-02100-402102B/17ND-INV

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
*Vũ Nam*

**BẢN SAO**

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING  
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:  
**MR. TRAN VAN BIEN**

Has successfully passed the Training Course on  
*Field Test for Evaluation the Integrity  
and Bearing Capacity of Pile*

Ref. N°: 16115 /2023/VKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhân: Ông **TRẦN VĂN BIÊN**  
Ngày sinh: 18/08/1994 - Quê quán: Nam Định

Cơ quan: **VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG**  
Thi nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn  
và sức chịu tải của cọc

Ngày: **05-02-2025** Thời gian tổ chức: Từ ngày 18/04/2023 đến ngày 22/04/2023  
Tại: Viện Khoa học công nghệ xây dựng  
Xây dựng Hải Phòng, ngày 05 tháng 05 năm 2023

Số chứng chỉ: **4085** - Quyển số: **1**



TS. Nguyễn Hồng Hải



CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Nguyễn Thế Phương*

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Freedom - Happiness



HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

confers

THE DEGREE OF ENGINEER  
IN CIVIL ENGINEERING

Upon: *Ms Phan Thi Phuong*  
Date of birth: 02 September 1997  
Degree classification: Good

Given under the Seal of  
the Hanoi University of Mining and Geology  
on the date of 14<sup>th</sup> October 2020

Serial number: NDA-E. 000829  
Reference number: 2020/CQ/1578

**BẢN SAO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

cấp

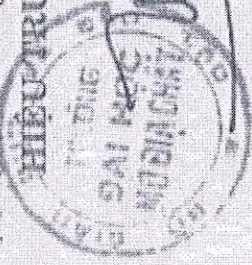
BẰNG KỸ SƯ  
KỸ THUẬT XÂY DỰNG

Ngày: **07-03-2025** Cho: *Bà Phan Thị Phương*  
Số chứng thực: **1.1.2.3** Quyển số: **02/9/1997** Sinh: **02/9/1997**

Xếp hạng tốt nghiệp: Khá

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



CÔNG CHỨNG VIÊN

*Nguyễn Thế Phương*

Số liệu: NDA-E. 000829 GS.TS Trần Thanh Hải  
Số vào sổ gốc cấp bằng: 2020/CQ/1578

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
Independence - Freedom - Happiness

THE RECTOR OF THE

**NATIONAL UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING**

has conferred the degree of

**ENGINEER**

in **WATER AND WASTEWATER ENGINEERING**

Upon

**Mr. DANG CONG THANH**

Born on

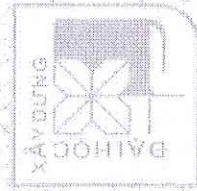
**24 December 1997**

Degree classification: **Ordinary**

**Hanoi, 15 June 2021**

Given under the seal of the

**NATIONAL UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG**

cấp bằng

**KỸ SƯ**

**KỸ THUẬT CẤP THOÁT NƯỚC**

Cho

**Ông ĐẶNG CÔNG THÀNH**

Sinh ngày

**24 tháng 12 năm 1997**

Hạng tốt nghiệp:

**Trung bình**

**Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2021**

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: **XDE 02189**

**PGS.TS Phạm Duy Hòa**

Số vào sổ gốc cấp văn bằng: **2021/1051**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

**BẢN SAO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

RECTOR

HIỆU TRƯỞNG

UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

has conferred

cấp

**THE DEGREE OF ENGINEER**

**BẰNG KỸ SƯ**

In Civil Engineering

Kỹ thuật xây dựng

Upon: *Mr. Dang Ngoc Cuong*

Cho: *Ông Đặng Ngọc Cường*

Date of birth: 23 July 1995 In: Nam Dinh

NGÀY: 18-08-2023

Ngày sinh: 23/07/1995 Tại: Nam Định

Year of graduation: 2018

Năm tốt nghiệp: 2018

Degree classification: Ordinary

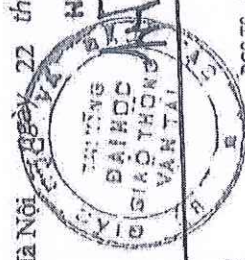
Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Mode of study: Full-time

Hình thức đào tạo: Chính quy

Hanoi, 22 June 2018

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2018



*PGS.TS. Nguyễn Ngọc Long*

Reg. No: 3262/K54

Số hiệu: 388441

CÔNG CỐ VÀO SỔ CẤP BẰNG: 3262/K54

1298/QĐ-ĐHGTVT ngày 22/6/2018

*Vũ Nam*

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Bridge and Highway Engineering

Upon:

Mr Nguyen Thanh Nhật

Date of birth:

23 August 1988 In: Vinh Phúc

Year of graduation:

2012

Degree classification:

Good

Mode of study:

Full-time

Hanoi, 26 June 2012

Reg. No: 880/K48

**BẢN SAO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Xây dựng Cầu - Đường

Ông Nguyễn Thành Nhật

Chor:

25-04-2025

Ngày sinh:

23/08/1988 Tại: Vĩnh Phúc

Nam

2012

Xếp loại tốt nghiệp:

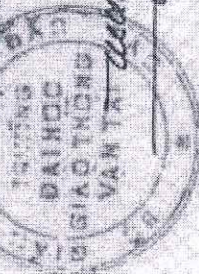
Khá

Hình thức đào tạo:

Chính quy

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2012

HIỆU TRƯỞNG



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thế Phương

Số hiệu: 082107

Số vào sổ cấp bằng: 880/K48

**CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 7.1.8.4.5. Quyển số: SCT 168





CÔNG TY CPTM XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM

TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU, THÍ NGHIỆM NỀN MÓNG CÔNG TRÌNH LAXD 1780

Địa chỉ : Số 12/3/33 ngõ 2 phố Văn Trì, Phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

Gmail : [Thanhnam.lfc@gmail.com](mailto:Thanhnam.lfc@gmail.com)

Điện thoại : 0972.428.939

---

**KIỂM ĐỊNH**

**MÁY MÓC THIẾT BỊ**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÀO TẠO VÀ KIỂM ĐỊNH AN TOÀN VIỆT NAM**  
**VIETNAM SAFETY INSPECTION AND TRAINING SERVICE JOINT STOCK COMPANY**  
 Địa chỉ: Số 8 Ngách 10, Ngõ 355/26 Đường Xuân Đình, Phường Xuân Đình, TP. Hà Nội, Việt Nam.  
 ĐT: 0246.652.2992 \* Web: www.tsi-safe.com \* Email: tsi.info8@gmail.com \* Số ĐKKD: 9116301030 \* CNATKD: 18.0009; VN-075-TN05

**I. Tổ chức, cá nhân sử dụng (Used organizations, individuals)**

**CÔNG TY CPTM XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM**

Địa chỉ (Add): Số 12/3/33 Ngõ 2 Phố Văn Trì, P. Tây Tựu, TP Hà Nội

**II. Đối tượng kiểm định (Inspection object)**

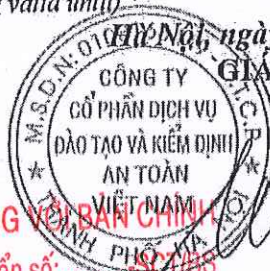
- Tên đối tượng kiểm định (Object): **MÁY ÉP RÔ BÓT**
- Mã hiệu (Model): **ZYJ 460B**
- Số chế tạo (Serial No.): **S00171**
- Năm sản xuất (Date): **2018**
- Nhà sản xuất/nước sản xuất (Manufacture): **Trung Quốc**
- Đặc tính, thông số kỹ thuật (Technical specifications):
  - Lực ép lớn nhất: **461,8 tấn**
  - Áp lực dầu lớn nhất: **24,5 MPa**
  - Tốc độ ép (max/min): **6,85/0,9 m/phút**
  - Tải trọng làm việc cần trục: **16 tấn**
  - Loại cọc (vuông/tròn): **600/ 600 mm**
  - Tổng công suất động cơ: **124 kW**
  - Trọng lượng máy: **135 tấn (Máy cơ sở)**

Địa điểm lắp đặt (Location): Lô đất CC-05A khu đô thị mới Việt Hưng,  
 P. Việt Hưng, TP. Hà Nội

Đã được kiểm định bất thường đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số:  
 (The abnormal inspection and qualified technical with inspection record number)  
**8503/01/KĐAT-MXD ngày 03 tháng 10 năm 2025 (\*)**

Tem kiểm định số (Stamps No.): **8503**

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: **03/10/2026.**  
 (Certificate of verification result is valid until)



Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2025.  
**GIÁM ĐỐC (Director)**

*Nguyễn Minh Đức*  
**GIÁM ĐỐC**

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: **3809.04** ..... Quyền số: **04** .....

Ngày: **08-10-2025**

(\*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.

**TU. CHỦ TỊCH**  
**CHÁNH VĂN PHÒNG HĐND-UBND**



**Nguyễn Đức Ngọc**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÀO TẠO  
VÀ KIỂM ĐỊNH AN TOÀN VIỆT NAM - N 447  
Địa chỉ: Số 8 ngách 10, ngõ 355/26, Đường Xuân Đình,  
P. Xuân Đình, TP Hà Nội, Việt Nam  
ĐT: 02466522992; Email :tsi.info8@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence-Freedom-Happiness

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 34496/AK/TSI/2025

Tên đối tượng:

ÁP KẾ

Object:

Kiểu:

Lò xo

Số: 412090426

Type:

Serial N<sup>o</sup>:

Nơi sản xuất:

Trung Quốc

Năm: /

Manufacturer:

Year :

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Specifications:

Phạm vi đo: ( 0 ÷ 40) MPa

Cấp chính xác: 1,6

Nơi sử dụng: Lắp trên máy ép cọc ZYJ 460B

Place:

Người / Đơn vị sử dụng:

CÔNG TY CPTM XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM

User:

Phương pháp kiểm định:

ĐLVN 08: 2011

Method of Verification:

Kết luận:

Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Conclusion:

Số tem kiểm định:

22A- 17063

Verification stamp N<sup>o</sup>

Thời hạn đến:

31 - 10 - 2026 (\*)

Valid until:

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 3810... Quyển số: 04... SCT/BS

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2025

Ngày: 08 -10- 2025

Date of issue

Kiểm định viên

Verifier by

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC

GIÁM ĐỐC

(Director)

TU. CHỦ TỊCH  
CHÁNH VĂN PHÒNG HĐND UBND



Đỗ Hữu Chiến

Nguyễn Đức Ngọc



Nguyễn Minh Đức

(\*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản (With respectfulness of rules of use and maintenance)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP AN TOÀN THÀNH PHỐ**

Trụ Sở: TT14-D16(244) KĐT Văn Quán - Yên Phúc, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, Hà Nội  
Chi Nhánh Miền Nam: 25 Đường số 2, KĐT Vạn Phúc, P. HBP, TP. Thủ Đức, TP. HCM  
Số đăng ký chứng nhận: 100/GCN-KĐ, CNATXD-19.0001, 31/2019/GCNĐĐK-BCT  
Hotline: 0933877968

1. Cơ sở (Client): **CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM**

Trụ sở (Add.): **Số nhà 12, Hẻm 3, Ngách 33, Số 2 Phố Văn Trì, Phường Tây Tựu, Tp. Hà Nội**

2. Đối tượng (Job under): **MÁY ÉP CỌC THỦY LỰC**

- Mã hiệu (Code) : ZYJ860BG
- Năm chế tạo (Date) : 09/2020
- Số chế tạo (Serial N°) : S00783
- Nhà chế tạo (Locally made) : Trung Quốc
- Đặc tính kỹ thuật:
  - Tải trọng thiết kế/thực tế cần trục (Cap.) : 25,0 tấn/8,0 tấn
  - Lực ép lớn nhất/thực tế (max Pilling force) : 860 tấn/550 tấn
  - Tốc độ ép (Speed pile lowering) : 7,0/0,8 m/ph
  - Đường kính xi lanh (Diamitor cylinder) : Ø280x4/Ø250x2
  - Loại cọc vuông/tròn (Square/round pile size) : F600/Ø600
  - Công dụng (Uses): Thi công ép cọc

Lắp đặt tại (Pos.): Công trình xây dựng nhà xưởng A06 Fulian giai đoạn 4, KCN Quang Châu, T. Bắc Ninh

Đã được kiểm định bất thường đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số:

(Aperiodic of abnormal of inspection in the inspectional report number)

1129 / 2026 / DTH ngày 20 tháng 03 năm 2026

Tem kiểm định số (Inspection label number): 1129

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: 19/03/2027 (\*)

(The certificate of inspection results is valid until (date))

**CHUNG THỰC GIẢI PHÁP AN TOÀN THÀNH PHỐ**  
Số chứng thực: 2.674. Quyền số: 120.2.5CT/BS

Ngày: 30-03-2026

Người thực hiện chứng thực

TP. HÀ NỘI ngày 24 tháng 03 năm 2026  
CỔ KHAI GIẢNG ĐỐC (Director)  
GIẢI PHÁP AN TOÀN  
THÀNH PHỐ  
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Đình Sơn

(\*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản quy định tại quy chuẩn kỹ thuật và nhà sản xuất.



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
Nguyễn Đức Ninh

**BẢN SAO**

# GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

(CERTIFICATE OF VERIFICATION)

Số / No: N0907 / 2026 /DTH

1. Tên đối tượng : ÁP KÊ  
*Object* : PRESSURE GAUGE
2. Kiểu : Lò xo Số /Mã QL : 20085955  
*Type* : Spring Serial No/Tag No
3. Nơi sản xuất : Trung Quốc Năm sản xuất : N/A  
*Manufacturer* : Year
4. Đặc trưng kỹ thuật đo lường:  
*Specifications*
- Phạm vi đo/Range : (0÷40) MPa
  - Giá trị vạch chia/Division : 1,0 MPa
  - Cấp chính xác/Accuracy class : 1.6
5. Nơi sử dụng : Máy ép cọc thủy lực: ZYJ860BG; số chế tạo: S00783  
*Place*
6. Người/Đơn vị sử dụng : CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM  
*User*  
Số nhà 12, Hẻm 3, Ngách 33, Số 2 Phố Văn Trì, Phường Tây Tựu, Tp.Hà Nội
7. Phương pháp thực hiện : ĐLVN 08 : 2011  
*Method of verification*
8. Chế độ kiểm định : Lần đầu  Định kỳ  Bất thường   
*Type of verification*
9. Kết luận : Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường  
*Conclusion* **CHỨNG THỰC** *Complying with the metrological requirements*
10. Số tem kiểm định thực: 2.8424.07606 số: 1/2026-SCT/BS  
*Verification stamp* Ngày: 30-03-2026
11. Thời hạn đến (nếu có) : 19/03/2027  
*Valid until*

Người thực hiện chứng thực

Tp. Hà Nội ngày 24 tháng 03 năm 2026

Kiểm định viên

Verified by

Nguyễn Đình Sơn



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Đức Ninh

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Sơn

(\*Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản/With respectfulness of conditions of use and maintenance



# CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 16/10/2025 Số (№): HC001948 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền kéo nén**

Kiểu (Type): WE-1000B Số (Serial №): 240103X Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Zhejiang Luda (Trung Quốc)

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo:  $(0 \div 1000)$ kN ,  
Độ phân giải: 0,01kN

Khách hàng (Customer): **Công ty Cổ phần Thương Mại Xây Dựng Nền Móng Thành Nam**

Địa chỉ (Address): Số nhà 12 hẻm 3 ngõ 33 số 2 phố Văn Trì, Phường Tây Tựu, TP Hà Nội

Nơi hiệu chuẩn (Place of calibration): 25 đường Phú Minh, Phường Tây Tựu, TP Hà Nội

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 02-2024

Máy thử độ bền kéo nén – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Loadcell DS60	TB02.1	VMI	01/2027

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature):  $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$  + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 16/10/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 16/10/2026

Kết quả (Results): **Người kiểm tra hiệu chuẩn tiếp sau**  
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn  
(Head of Calibration Department)

Giám đốc  
(Director)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
*Ngô Văn Chính*

GIÁM ĐỐC  
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.





**ĐIỂM SAO**

PYCHC : 01.01.08 / PYCHC - 2026

TÊN HC : 25.08.01.01 / KQHC M321.23-THANH NAM

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

(Số No : M321.23 / TKD-HNS)

Tên phương tiện (Object): Máy khoan và SPT  
 Kiểu (Type): XY - 1  
 Số (Serial N<sup>o</sup>): M321.23  
 Cơ sở sản xuất (Manufacture): Trung Quốc  
 Đặc trưng KT (Technical Specification): Lực nâng của trục chính: (0±25) kN  
 Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Nền móng Thành Nam  
 PP thực hiện (In accordance with): M - 35:10

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
 Máy khoan địa chất - Phương pháp đo  
 Số chứng thực:.....6.3.3.3.1. Quyền số:.....SCT/BS

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau (See the result on the next page)  
 Ngày: 10/08/2025

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration date): Người thực hiện 01/08/2026

Hà Nội, Ngày 1 tháng 8 năm 2025

(Date of Measurement)

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN  
 (Head of the Calibration Laboratory)

CT CP CNXD & KHKD BÁCH KHOA  
 BKCONS.,JSC

*(Handwritten signature)*

CÔNG CHỨNG VIÊN  
 Nguyễn Đình Bảo Lâm



Ths. Lê Văn Diễn

PGĐ. Nguyễn Hoàng Gia

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN MÁY VÀ THIẾT BỊ VIỆT NAM  
(Vietnam equipment inspection and calibration joint stock company)

Địa chỉ: Số 9 ngõ 188 Thụy Khuê - phường Tây Hồ - thành phố Hà Nội.

ĐT: 04 39951112; Mobile: 0936463535; Email: tuvankiemdinhha noi@gmail.com

ĐK 329

BẢN SẠO

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (N<sup>o</sup>): 095 Vic:01/2026

Tên đối tượng đo/thử nghiệm (Object): Đồng hồ đo biến dạng  
Kiểu (Type): Số (Serial N<sup>o</sup>): 21050505  
Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc Tem (Stamp): 127778  
Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):  
Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 50) mm  
Giá trị độ chia (Resolution): 0,01 mm  
Hiệu chuẩn định kỳ ; Hiệu chuẩn bất thường ; Hiệu chuẩn lần đầu

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 75:2001

Chuẩn sử dụng (Standards used): Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

Độ không đảm bảo đo: U = 0,72 μm

Hệ thống chuẩn trên đã được liên kết với chuẩn  
(Standards were traceable to the National Standard System)

Kết quả (Results): Xem trang sau (See next page).

Địa điểm thực hiện (Place of calibration): Phòng kiểm định PTĐ - Công ty

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 31-01-2027

Người thực hiện chứng thực

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2026  
(Date of Calibration)

Người thực hiện  
(Tested by)

GIÁM ĐỐC  
(Director)

Lê Thị Thu Hiền

Lưu Bích Thùy

Trang: 1/2  
(N<sup>o</sup> of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Company)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐK 329

CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN MÁY VÀ THIẾT BỊ VIỆT NAM  
(Vietnam equipment inspection and calibration joint stock company)

Địa chỉ: Số 9 ngõ 188 Thụy Khuê - phường Tây Hồ - thành phố Hà Nội.  
ĐT: 04 39951112; Mobile: 0936463535; Email: tuvankiemdinhhanoi@gmail.com

**BẢN SAO**

## GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (N<sup>o</sup>): 094 Vic:01/2026

Tên đối tượng đo/thử nghiệm (Object): Đồng hồ đo biến dạng  
Kiểu (Type): Số (Serial N<sup>o</sup>): 21050449  
Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc Tem(Stamp): 127777  
Đặc trưng kỹ thuật(Technical Specification):  
Phạm vi đo (Range): (0 ÷ 50) mm  
Giá trị độ chia (Resolution): 0,01 mm  
Hiệu chuẩn định kỳ ; Hiệu chuẩn bất thường ; Hiệu chuẩn lần đầu

Cơ sở sử dụng (Customer):

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 75:2001

Chuẩn sử dụng (Standards used): Thiết bị kiểm tra đồng hồ so

Độ không đảm bảo đo: U = 0,72 μm

Hệ thống chuẩn trên đã được liên kết với chuẩn

(Standards were traceable to the National Standard System)

Kết quả (Results): Xem trang sau (See next page).

Địa điểm thực hiện (Place the calibration): Phòng kiểm định PTĐ - Công ty

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Date of calibration): 31-01-2027

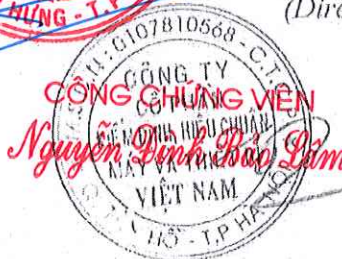
Người thực hiện  
(Tested by)

Lê Thị Thu Hiền



ngày 23 tháng 01 năm 2026  
(Date of Calibration)

GIÁM ĐỐC  
(Director)



Lưu Bích Thùy



**BẢN SAO**

PYCHC : 01.31.12 / PYCHC - 2025  
 TÊN HC : 22.12.11.01 / KQHC 11028/NMTN

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN**

CALIBRATION CERTIFICATE

(Số N° : 1723NMTN / THC-BK)

Tên phương tiện (Object): Kích thủy lực  
 Kiểu (Type): KN1000-150 Số (Serial N°): 11028  
 Cơ sở sản xuất (Manufacture): Trung Quốc  
 Đặc trưng KT (Technical Specification): Phạm vi đo : ( 0 ÷ 10000 ) kN tương đương ( 0 ÷ 1000 ) tấn;  
 Đồng hồ đo áp lực ( 0 ÷ 60 ) Mpa; Hành trình ép Max: 150 mm  
 Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Nền móng Thành Nam  
 PP thực hiện (In accordance with): ĐLVN 108 : 2002  
 Phương tiện đo lực - Qui trình hiệu chuẩn  
 Chuẩn được sử dụng (Standards used): Loadcell NH 1000  
 Liên kết chuẩn VMI  
 Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) : 0,22x10<sup>-2</sup>  
 Kết quả (Results):

Chỉ thị trên đồng hồ áp lực Mpa	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Lực ép tương ứng (Tấn)									
0	0,00	14,2	31,7	49,1	66,5	83,9	101,3	118,7	136,2	153,6
10	171,0	188,4	205,8	223,2	240,7	258,1	275,5	292,9	310,3	327,7
20	345,2	362,20	379,40	393,6	414,8	432,2	449,7	467,1	484,5	501,9
30	519,3	536,7	554,2	571,6	589,0	606,40	623,8	641,2	658,7	676,1
40	693,5	710,9	728,3	745,7	763,2	780,6	798,00	815,4	832,8	850,2
50	867,6	885,1	902,5	919,9	954,7	972,1	989,6	/	/	/
70	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/
80	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/

\* Bảng tra lực của kích có đơn vị là (Ton) theo chỉ số đồng hồ áp lực có đơn vị là (Mpa)  
 \* Kích số 11028 kiểm tra làm việc bình thường, đạt yêu cầu kiểm tra đến 989,6 (Ton)  
 Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration date): 23/12/2026

**Ngày: 23-01-2026**

Hà Nội, Ngày 23 tháng 12 năm 2025  
 (Date of Measurement)  
 CT CP CNXD & KHKB BÁCH KHOA

TRƯỞNG PHÒNG HIỆU CHUẨN  
 (Head of the Calibration Laboratory)

Người thực hiện chứng thực

*(Handwritten signature)*

Ths. Lê Văn Điền



PGĐ. Nguyễn Hoàng Giu

Tên khách hàng ghi theo thông tin mà khách hàng cung cấp (Name of customer are written ascustomer's request)

**CÔNG CHỨNG VIỆN**  
*Nguyễn Thị Thủy*

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN  
MÁY VÀ THIẾT BỊ VIỆT NAM - ĐK 329  
Địa chỉ: Số 9, Ngõ 188 Thụy Khuê, Phường Tây Hồ, Hà Nội  
Điện thoại: 02439951112

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Freedom - Happiness

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 2927Vic:01/2025

Tên đối tượng:

ÁP KẾ

Object:

Kiểu: Lò xo

Số: 230474119

Type:

Serial N<sup>o</sup>:

Nơi sản xuất: Trung Quốc

Năm:

Manufacturer:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Phạm vi đo (0 ÷ 60) MPa

Specifications:

Cấp chính xác: 1,6

Nơi sử dụng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM

Place:

Người / Đơn vị sử dụng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG

User:

NỀN MÓNG THÀNH NAM

Phương pháp kiểm định: ĐLVN 08: 2011

Method of Verification:

Kết luận: Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Conclusion:

Số tem kiểm định: CHỨNG CHẤM ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Verification stamp N<sup>o</sup>: Số chứng thư 6.1.7.5.5.....Quyển số: 1....-SCT/BS

Thời hạn đến: 30-11-2026 (\*)

Valid until: Ngày: 06-11-2025

Người thực hiện chứng thực

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2025

Date of issue

GIÁM ĐỐC

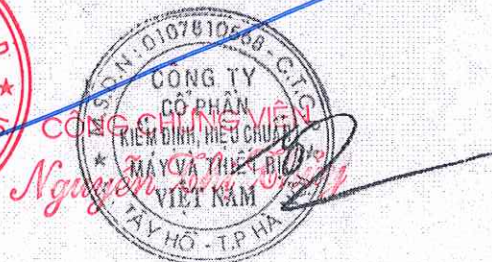
(Director)

Kiểm định viên

Verifier by



Nguyễn Tuấn Tùng



Lưu Bích Thủy

(\*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản (With respectfulness of rules of use and maintenance)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN  
MÁY VÀ THIẾT BỊ VIỆT NAM - ĐK 329  
Địa chỉ: Số 9, Ngõ 188 Thụy Khuê, Phường Tây Hồ, Hà Nội  
Điện thoại: 02439951112

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Freedom - Happiness

## GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

CERTIFICATE OF VERIFICATION

Số (N<sup>o</sup>): 2926 Vic:01/2025

Tên đối tượng:

ÁP KẾ

Object:

Kiểu: Lò xo

Số: 230474134

Type:

Serial N<sup>o</sup>:

Nơi sản xuất: Trung Quốc

Năm:

Manufacturer:

Year:

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Phạm vi đo (0 ÷ 60) MPa

Specifications:

Cấp chính xác: 1,6

Nơi sử dụng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG NỀN MÓNG THÀNH NAM  
Place:

Người / Đơn vị sử dụng: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG  
User: NỀN MÓNG THÀNH NAM

Phương pháp kiểm định: DLVN 08: 2011

Method of Verification:

Kết luận: Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Conclusion:

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐỪNG VOI BẢN CHÍNH**

Số tem kiểm định: Số chứng thực: 20A-051169... Quyền số: 0-SCT/BS

Verification stamp N<sup>o</sup>

Thời hạn đến:

Ngày: 06-11-2025  
30-11-2026 (\*)

Valid until:

Người thực hiện chứng thực

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2025

Date of issue

GIÁM ĐỐC

(Director)

Kiểm định viên  
Verifier by

Nguyễn Tuấn Tùng



Lưu Bích Thuỳ

(\*) Với điều kiện tôn trọng các quy định về sử dụng và bảo quản (With respectfulness of rules of use and maintenance)